**Nguyễn Trường**

Thiên Nhãn

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[ĐÊM CHIẾN TRANH](%22%20%5Cl%20%22bm2)

[TÌNH GIÀ](%22%20%5Cl%20%22bm3)

[BI KỊCH CỦA CON NGƯỜI](%22%20%5Cl%20%22bm4)

[QUÊ HƯƠNG](%22%20%5Cl%20%22bm5)

[NGƯỜI CỦA HÔM QUA](%22%20%5Cl%20%22bm6)

[CHUYỆN CUỘC ĐỜI](%22%20%5Cl%20%22bm7)

[SAU CUỘC CHIẾN](%22%20%5Cl%20%22bm8)

[VÒNG BẠC ĐỔI MÀU](%22%20%5Cl%20%22bm9)

[THIÊN NHÃN](%22%20%5Cl%20%22bm10)

**Nguyễn Trường**

Thiên Nhãn

**ĐÊM CHIẾN TRANH**

Trời vẫn tối đen. Bằng và người tù binh cứ phăng phăng đi về phía trước. Thỉnh thoảng một chùm pháo réo lên đầu, nổ ầm trước mặt, lửa bùng lên, rạch đêm đen kịt rồi bóng tối khép lại, đầy bí ẩn. Trời không trăng không sao. Dưới đất không một ánh đèn. Cơn mưa lúc chập tối để lại những đám mây đen nặng trĩu trên đầu che hết các vì sao. Bằng và người tù binh đều ướt lướt thướt, lạnh co ro. Gã tù binh đi dò dẫm, in một vệt đen đen phía trước.
Đêm qua đơn vị anh đánh đồn Cả Cái, tiêu diệt gọn địch. Chiếm lĩnh xong đồn, các anh mới phát hiện ra dưới đường hầm có một tên địch. Chính hắn là tên chỉ huy.
Từ đồn Cả Cái đến trung đoàn bộ phải vượt qua một vùng đồng trống hơn chục cây số. Đi nhanh khoảng hai tiếng đồng hồ, chỉ khoảng chập tối đã đến trung đoàn bộ.
Nhưng không ngờ, những đám mây từ hướng Nam kéo đến. Gió cuộn lên mù mịt. Biển cỏ nghiêng ngửa, xoáy tít.
Mưa quất xuống mặt họ, rát rạt. Chân họ lội bì bõm trong nước, trong cỏ cao đến đầu gối. Gã tù binh vẫn ngật ngưỡng đi theo hướng chỉ của Bằng. Mưa mỗi lúc một dày hạt. Hết cơn này lại nối theo cơn khác. Sét cứ xẹt xuống, trời như nổi giận với cánh đồng.
Trời mưa nên tối khá nhanh. Càng đi họ càng thấy tối. Cơn mưa đã làm họ đi chậm gấp đôi.
Trời tối, trên đồng cỏ phẳng lì như biển này, ban đêm rất dễ lạc đường. Bất thần một loạt pháo từ một hướng nào đó, lao qua đầu họ và nổ bùng lên phía trước. Bằng đoán có lẽ pháo bắn từ đồn Măng Đa. Hồi còn là chiến sĩ công binh anh đã bò vào đó gỡ mìn mở lối cho đồng đội đánh đồn. Anh còn nhớ nó nằm ở hướng Đông, so với vị trí ban đầu xuất phát. Anh liền kéo gã tù binh đi chếch về hướng Bắc, đi được một lúc lại mất hướng. Bằng đành phó mặc cho may rủi. Cứ để cho người tù binh lầm lũi đi.
Bỗng một tiếng nổ rất đanh bùng lên. Phản ứng nhanh, bằng vội nằm xuống. Anh cảm thấy tiếng gió xé bên tai. Anh thấy tay mình chạm vào vật gì tròn tròn. Lính tính báo cho anh biết sự nguy hiểm. Giữ đúng vị trí cũ, anh thò một tay xuống đất và lôi lên trái lựu đạn gài. Tay vẫn bóp mỏ vịt, tay kia anh bóp cong chốt an toàn. Đặt trái lựu đạn ra xa, anh nói gã sĩ quan:
- Có mìn, đứng lại!
- Gã sĩ quan ngơ ngác quay lại phía Bằng. Trong đêm tối, anh không nhìn thấy rõ khuôn mặt, chỉ thấy gã đứng như trời trồng. Bằng nói:
- Đừng bước nữa, lọt vào bãi mìn rồi.
- Trời!… - gã tù binh la lên. Bằng thấy người gã như khuỵ xuống.
- Ông ơi, làm sao bây giờ?
- Thì cứ bình tĩnh đã.
Bằng nói, giọng cứng cỏi nhưng chính anh cũng thấy ớn lạnh sống lưng. Họ đã đi sâu vào bãi mìn. Bây giờ họ không tài nào nhớ nỗi lối ra. Cũng còn hên, chắc là con chồn nào lúc nãy chạy ẩu đã đụng và mìn nhạy nổ, báo động cho họ.
- Phải ra khỏi bãi mìn - Bằng nói.
- Ra cách nào được, ông?
- Anh bám theo tôi, đi trệch một chút là chết đấy!
Bằng để gã đi sau. Anh khoác súng lên vai, đưa tay lần tìm dây. Người lính công binh dùng độ nhạy của đôi tay để phân biệt đâu là cọng cỏ, đâu là sợi dây nối với trái gài. Anh biết loại thông thường chôn chừa một phần ba trái trên mặt đất để nó không lật mà sát thương mạnh. Tháo chốt cho gần tuột ra, nối chốt với cây cọc. Nếu địch đụng vào dây, chốt sẽ tuột ra và lựu đạn nổ.
Bằng nghĩ, nếu cứ gỡ như thế, đến bao giờ mới ra khỏi bãi mìn dày đặc này. Anh tính cách lách trong bãi mìn không cần gỡ trái, cách đi của đặc công. Tay đưa ra phía trước tìm dây. Nhưng trước khi bước, bàn tay phải sờ xuống phía trước, xoa xoa nhẹ một miếng đất xem có gì lạ không mới đặt bàn chân lên. Cứ như thế mà tiến.
Vừa đưa tay xoa xoa dưới cỏ, Bằng bỗng rùng mình vội rụt tay về: "mìn râu rồi!" nguy hiểm quá, loại này bay lên ngang mặt người mới nổ.
Như vậy, anh đã lọt vào bãi mìn "Thiên la địa võng". Thật khó thoát ra. Bằng là người dày dạn trận mạc nhưng chỉ nắm được phần nào cách gài của du kích. Còn khi họ biến hoá cách gài thì thật khó lường. Bây giờ muốn đi kiểu đặc công trong bãi mìn thì chỉ một mình anh đi nổi. Còn gã tù binh kia thì sao?
Mình tự cứu mình không nỗi lại còn phải cứu nó nữa. Anh quay nhìn lại phía hắn. Muốn thoát khỏi chốn này chỉ còn cách… ở đây chỉ có ta với hắn, không một ai biết được… Sáng mai, ta báo hắn đã chạy trốn vào bãi mìn mà chết. Đơn vị chắc không kỷ luật ta. Nhưng khi tay anh từ từ kéo cò, có cái gì đó níu tay lại.
Trời tối, người tù binh không thấy Bằng đang rờ vào vòng cò chọn giây phút sống chết với hắn. Hắn chết đứng như bị trời trồng. Bằng nói năïng nhọc:
- Nhấc cao chân lên, rê dò đụng vào dây là chết đó. Đi đúng vào bước chân của tôi.
Gã sĩ quan thở hổn hển bước sát vào người Bằng. Anh lầm bầm trong miệng "Phúc cho mày, chút xíu nữa mày về chầu Diêm Vương rồi".
Hắn run lập cập vừa bước vừa cầu Chúa. Hắn do dự. Đi sát bên Bằng cũng sợ. Đi cách Bằng một đoạn để an toàn cũng sợ. Có lúc Bằng dừng lại đưa cho hắn "sờ" thử một trái gài vừa tháo được. Chạm vào vỏ thép lành lạnh làm da hắn sởn gai ốc. Hắn tuy là sĩ quan nhưng chưa từng trải trận mạc. Ở trường sĩ quang Đà Lạt hắn cũng được học cách gỡ mìn, nhưng thực tế chạm vào cái sống và cái chết kiểu này thì chưa từng trải qua. Nhất là cách gài đầy sáng tạo của du kích. Với bãi mìn này và người Việt cộng kia, rõ ràng hắn chỉ là tân binh. Hắn ranh mãnh chọn cách đi sau Bằng một đoạn xa. Nếu có chết, phải là Bằng, chứ không thể là hắn được.
Nhưng hắn chưa kịp mừng được bao lâu, ánh chớp xanh lè dưới chân hắn bất ngờ bùng lên. Hắn gục xuống. Hắn không kịp nghe tiếng nổ. Còn Bằng, anh giật nảy mình vì tiếng nổ. Đất cát ném đầy đầu, cổ anh. Mùi thuốc khét lẹt.
Khẩu súng đang đeo sau lưng giật nẩy lên vì mảnh chém vào, xô anh té dụi. Bằng ngồi dậy mò mẫm lại phía gã sĩ quan. Hắn nằm phục dưới đất rên hừ hừ. Hắn bị thương. Anh rút trong người ra cuộn băng, rờ rẩm tìm vết thương để băng cho hắn. May hắn chỉ bị thương vào chân.
Vừa băng xong cho hắn, Bằng thấy tay mình tê dần. Mình cũng bị thương rồi. Người bị thương mấy phút đầu không thấy đau. Máu đang trào ra. Nguy quá, vết thương đúng vào bả vai phải. Chỉ còn một tay trái hoạt động trong lúc đau buốt, khó đưa tay trái ngược phía sau mà băng nổi. Để chậm chút nữa, hết máu mình sẽ chết. Phải có người giúp đỡ. Nhưng là ai đây? Trên đồng cỏ lúc này chỉ có ta với người tù binh. Làm sao hắn làm được việc đó khi tay hắn bị trói trật ra phía sau? Mở trói cho hắn? Hắn sẽ cướp súng và thay vị trí của ta. Mình sẽ là tù binh của hắn. Nhưng cứ thử là tù binh thì sao nhỉ? Hắn có đi trước gỡ mìn mở lối không? Liệu hắn sẽ khống chế, bắt ta phải mở đường cho hắn đi. Hắn vẫn là hắn, an toàn ở phía sau. Còn người dám liều chết, mở đường vẫn là ta.
Lúc đó… lúc đó… Không, không bao giờ mở đường cho hắn. Máu ra nhiều quá… Mình phải sống. Nếu mình gục xuống là thất bại. Anh sờ vào khẩu súng, tháo băng đạn ra và kéo khoá nòng. Nhưng khoá nòng đã cứng ngắc. Thôi rồi, nãy anh đeo sau lưng, mảnh lựu đạn bay trúng bộ khoá nòng. Anh bóp cò thử, cò cũng bị liệt. Mảnh đạn văng trúng vào khẩu súng mới trượt xuống vai anh. Nếu không có khẩu súng che, chắc anh đã chết rồi.
Gã sĩ quan nghe anh dùng súng lách cách, giật mình nhổm dậy:
- Ông tha chết, đừng bắn…
- Tôi tháo súng đó. Bây giờ tôi cởi trói cho anh. Đưa tay đây… Bằng bàn tay trái và một ít cử động yếu của bàn tay phải, anh cởi trói cho người tù binh. Hắn nghe tiếng Bằng.
- Tôi bị thương vào vai bên phải. Anh băng giùm tôi.
Hắn lúng túng vì phải chọn quyết định bất ngờ. Băng cho người Việt cộng này? Để cứu hắn ư? Để hắn lại bắt mình làm tù binh? Vậy thì không, để cho mày ra hết máu. Mày phải chết! Còn ta phải được tự do, sẽ về với quê hương, với cuộc sống sung sướng của ta. Súng của hắn đâu, bắt hắn làm tù binh! Nãy hắn nói tháo súng rồi phải không? Hắn khôn thật! Nhưng được rồi, ta không băng cho mày cũng đủ giết chết mày. Cần gì phải súng!
Thấy gã sĩ quan chần chừ. Bằng đưa vào tay hắn trái lựu đạn gài, giọng cứng rắn:
- Anh băng giùm tôi. Nếu không, trước khi chết, tôi sẽ cho nổ trái này, tôi với anh cưa đôi.
Nói rồi anh đưa trái lựu đạn vào ngực hắn. Chất thép lành lạnh chạm vào da thịt làm hắn ớn lạnh sống lưng. Ồ, người Việt cộng này dám cưa đôi với mình thiệt. Chỉ có mình, đáng giá gấp ngàn lần hắn mới không dám chết. Hắn nói là làm, dù gì hắn cũng chết. Còn ta, chạy khỏi đây? Chạy khỏi hắn? Nhưng vừa dợm đứng lên, gã đã sợ. Chạy thì vướng mìn, không chạy cũng chết. À, ta cần có người mở đường ra khỏi bãi mìn. Vậy tên Vệt cộng kia còn có ích cho ta. Không thể để hắn chết được…
Gã đã nghĩ đúng. Gã cần có Bằng cũng như bây giờ Bằng cần có gã. Hai người không giúp nhau lúc này thì cả hai cùng chết.
Hắn cầm lấy cuộn băng, sờ lên vai Bằng tìm vết thủng. Hắn đặt miếng gạc vào đó rồi khéo léo băng cho anh. Hắn băng rất thành thạo. Chắc chắn được học ở trường sĩ quan.
Bằng thấy mắt mình hoa lên. Mệt rã rời, nhưng anh không dám nằm xuống. Gục xuống lúc này, anh sẽ là người chiến bại. Bằng tất cả ý chí của mình, anh gượng đứng lên, cầm lấy sợi dây dù rồi nói với người sĩ quan:
- Đưa tay đây.
Gã sĩ quan quay lại phía anh. Anh ráng hết sức còn lại của mình mà cột. Người anh cứ run lên bần bật. Anh cố tự bảo mình: "ráng lên, gút này nữa thôi, ráng lên! Đừng gục xuống. Nếu mày gục xuống là mày thua nó". Và rồi sức anh đã tàn. Anh lảo đảo gục xuống.
Bằng còn lờ mờ hiểu được, trước khi khuỵ xuống, nút thắt cuối cùng đã hoàn thành. Ý chí không cho phép anh ngất đi mặc dù sức khoẻ đã kiệt. Anh ở vào trạng thái nửa ngủ nửa thức. Gã sĩ quan cũng ra nhiều máu, cũng rệu rã rồi. Tuy nhiên, nhờ to khoẻ nên hắn còn tỉnh hơn anh chút ít. Hắn không đủ sức giết anh nếu anh còn tỉnh. Hắn ngồi chờ khi anh ngất đi là hắn hành động. Sáng mai máy bay trực thăng sẽ thấy hắn, sẽ ném dây xuống cứu hắn. Nhưng anh phải ngất hẳn hắn mới dám làm. Hắn sợ anh, trong tay anh còn có trái lựu đạn gài. Nếu anh còn "thức" hắn hành động, anh sẽ chỉ khẽ buông tay là hắn đi đời.
Bằng ở trong trạng thái như vậy đến nửa tiếng. Ý chí kêu anh phải dậy mà thoát khỏi đây. Sáng mai, máy bay đến là nguy to. Việc của anh đầu tiên là nhặt súng. Anh lắp băng đạn vào súng. Khẩu súng đã hỏng rồi, nhưng anh cần có nó.
Anh loạng choạng đứng lên rồi ngồi xổm đưa tay tìm dây. Bàn chân lại đặt đúng vào chỗ bàn tay đã xoa trên đất.
Trời vẫn tối đen. Chắc là khuya lắm. Bỗng Bằng nhận ra phía chân trời một ngôi sao vừa chui ra khỏi đám mây, nhấp nháy. Anh nhằm hướng có ngôi sao ấy mà đi. Gã sĩ quan thấy anh đi, lại lò dò đi theo. Lần này, hắn không "khôn" như ban nãy nữa, bám thật sát anh. Anh vừa nhấc chân đi là hắn đặt bàn chân của mình vào.
Bất ngờ, có tiếng tiếng gà vọng tới. Ở đây gần làng ư? Đây là đâu? Vùng giải phóng hay ấp chiến lược? Bằng chỉ còn kịp nghĩ có vậy rồi lặng người đi. Tiếng gà làm anh xúc động. Những đêm hành quân, Bằng vẫn nghe tiếng gà gáy sáng. Nhưng đêm nay, cái đêm cô độc giữa biển cỏ bao la, như là trên hành tinh xa xôi chỉ có hai người, anh bỗng thấy nôn nao. Tiếng gà như nhắc với anh, sau cái đêm tối tăm này, còn có quê hương, có người thân, vợ con anh…
Và anh sửng sốt. Gã sĩ quan cũng chồm dậy lắng nghe tiếng gà. Hắn đang ở trong tâm trạng như anh. Tiếng gà cho Bằng một nghị lực mới làm anh thấy bình tâm lại. Anh bỗng thèm được nói chuyện.
- Anh là thứ mấy trong gia đình?
- Dạ thứ tư.
- Tôi thứ hai. Chắc là anh đông anh em lắm?
- Dạ, đúng như vậy. Gia đình tôi mười anh em cả thảy. Mấy người đã có gia đình và đi làm công sở.
- Vì sao anh lại phải đi lính?
Câu chuyện bỗng dừng lại sau câu hỏi của anh.
Tiếng gà lại vọng sang. Lần này nó nhắc anh trời sắp sáng rồi. Hãy nhanh lên! Anh lại nhổm dậy nhằm hướng có ngôi sao sáng phía chân trời mà đi tới. Không biết ma lực nào cứ hút Bằng về hướng có ngôi sao sáng phía đó. Ít ra nó cũng làm vật chuẩn để họ nhìn vào đó mà căn đường đi tới, dù không hề biết hướng đó sẽ đến đâu. Nhưng anh cứ tin, cứ đi theo. Vừa đi, tay anh vừa sờ xuống cỏ, bàn tay chạm vào vật lạ. Cẩn thận, Bằng nắm chặt cả búi cỏ. Tay kia thọc vào và xác định đúng là trái gài. Bằng sực nhớ. Có lần một chiến sĩ đơn vị anh nghĩ cách gài không cần dùng lon, không dùng dây mà vẫn rút chốt an toàn. Anh ta gài bằng cách dùng cỏ dài cuộn quanh trái gài rồi vùi vào bụi cỏ bên cạnh. Mỏ vịt bật lên, vướng cỏ, nhưng nếu đụng nhẹ trái gài sút ra và nổ. So với các kiểu gài đã kể trên, cách gài này nguy hiểm hơn. Chỉ những người gan cùng mình mới gỡ nổi. Khi đã cầm gọn nó trên tay, anh lại dùng kim băng gài chốt. Tháo xong trái gài hóc búa này, Bằng thấy người mệt lả. Ngực anh phập phồng, tim đập rộn lên, tay muốn xuôi xuống. Bàn tay lại đụng vào vật gì cong cong, anh rùng mình: mìn Clây- mo! Anh không đủ sức nhấc nó lên nữa. Anh sờ theo dây tìm con cóc điện rồi vắt nó sang bên lối đi. Thấy chưa an toàn, anh nhè nhẹ xoay mặt lõm của trái mìn ra ngoài. Nếu có nổ, các anh cũng an toàn vì đây là loại mìn định hướng.
Anh kịp nhận ra gã sĩ quan đang thở hổn hển sát mặt mình. Trời ơi! Hai tay hắn đung đưa về phía trước bắt chước anh. Phải rồi, nãy trói hắn nhưng mệt quá anh thắt không chặt, hắn đã gỡ ra được. Anh gằn giọng:
- Sợi dây trói đâu?
Tên sĩ qua thều thào:
- Tuột ra rồi không biết ở đâu…
Đêm tối như mực. Không nhớ đã đi qua chỗ nào làm sao quay lại tìm. Vả lại Bằng đã mệt lắm rồi, không còn sức mà tìm, trói hắn nữa.
Bằng vẫn lo lắng. Khẩu súng của anh đã hỏng rồi. Bây giờ anh với gã ngang nhau. Hai người cùng bị thương, đều mất máu như nhau. Vậy mà, cớ sao nãy giờ hắn vẫn sợ anh? Anh hơn hắn ở điểm nào? Những ý nghĩ đến với anh thật nhanh rồi lại biến đi thật nhanh. Còn lại nỗi lo về bãi mìn. Tay anh lần đụng một trái mìn khác, đã cầm được nó nhưng sức anh yếu quá. Nếu không đủ sức bóp chặt, mỏ vịt sẽ đẩy những ngón tay anh bung ra và búa đập vào hạt nổ. Anh sẽ tan xác. Anh run run đưa lên miệng để cắn cong chốt an toàn. Răng anh chạm vào chốt thép mỏng manh – cái mỏng manh chặn cả khối sức nổ công phá ghê gớm bên trong. Anh ráng sức cắn. Đã có lúc anh muốn gục xuống, rồi kệ, ra sao thì ra.
Anh lại gượng đứng lên. Như có gì đó trong ngực anh, trong đầu, vực toàn bộ cơ thể anh dậy. Anh lại dò dẫm…
Từ nãy giờ, gã sĩ quan vẫn ngồi sát bên anh. Hắn cũng run bần bật. Hắn yếu đến nỗi phải chống tay xuống đất để khỏi đổ kềnh ra. Hắn biết bây giờ hắn đổ xuống, coi như hết đời. Hắn cũng ráng sức sống. Tuy vậy, hắn vẫn còn sức hơn Bằng, dù chỉ hơn tí chút. Hắn còn tỉnh để nhận ra Bằng đang đưa trái gài lên miệng, tay run rẩy, vẻ nặng nhọc. Hắn hiểu anh cũng đuối sức rồi. Hắn lo quá, chỉ sợ Bằng không đủ sức bóp chặt mỏ vịt và từ đó mồi lửa xanh lè sẽ phụt ra và hắn tan xác. Tim hắn đập rộn lên. Ngực hắn phồng lên vì phải nín thở. Khi Bằng đưa trái lựu đạn lên cắn chốt an toàn, hắn nhắm mắt lại, miệng thốt lên:
- Cẩn thận, anh Hai!
Tiếng hắn thều thào như hơi gió.
Bằng đặt trái lựu đạn sang bên người, nhón chân bước lên. Hắn lại ngoan ngoãn đặt tiếp bàn chân của mình vào.
\*
\* \*
Cho đến sáng hẳn, Bằng và gã tù binh mới ra khỏi bãi mìn. Cảnh đầu tiên đập vào mắt Bằng là rặng cây xanh xanh phía trước. Phía đó, ngôi sao dẫn đường của anh đã trở nên mờ mờ. Con đường rẽ cỏ còn mới dẫn đến nơi anh ngồi. Xung quanh không còn những tấm bảng báo tử địa nữa. Thận trọng, anh vẫn đưa tay sờ ra xunh quanh cả một đoạn đường. Đến lúc không còn gặp vật gì lạ, anh mới nói một mình: "Qua rồi". Tiếng nói không cất thành lời.
Gã tù binh cũng nhận thấy điều ấy, nhưng chưa dám tin ngay. Hắn chăm chú nhìn theo bàn tay của Bằng sờ ra xung quanh. Và chỉ khi anh nói "Qua rồi" với những nếp dãn ra trên mặt, hắn mới dám tin nhưng vẫn hỏi:
- Sao, anh Hai?
- Qua bãi mìn rồi!
Gã tù binh chợt cười. Nhưng chỉ vừa hé môi gã đã gục xuống đất bất tỉnh. Sự căng thẳng đã vượt quá sức chịu đựng của gã.
Bằng vẫn ngồi xuống đó, với cây súng hỏng trong tay. Anh chống báng súng xuống đất để làm điểm tựa cho khỏi ngã. Anh ráng sức giữ chặt lấy nó. Anh thấy người cứ quay quay, sắp gục xuống như người tù binh kia. Anh càng bám chặt vào cây súng. Bây giờ gục xuống là gục luôn. Rồi không biết sự việc kết thúc ra sao. Anh và gã tù binh, ai sẽ là tù binh của ai? Chỉ cần một trong hai người tỉnh dậy trước. Mắt anh hoa lên… không được gục xuống… Không được… tiếng nói nào cứ văng vẳng bên tai. Nhưng rồi anh cũng gục xuống, không tài nào cưỡng nổi.
Người tù binh tỉnh dậy trước. Gã thấy chói mắt dưới ánh sáng ban mai rực rỡ. Cơn mưa đêm qua đã gột rửa tất cả những gì khô khan của cảnh vật. Cây cối xanh lên. Trên các cành cây khẳng khiu, những lộc non vừa hé. Tiếng chim đâu đó lanh lảnh như không hề biết đến chuyện vừa xảy ra đêm qua. Gã giụi mắt, uể oải đứng lên, bước lại bên Bằng. Bỗng gã giật mình lùi lại. Gã bỏ chạy. Nhưng được mấy bước, gã bỗng dừng lại thở, rồi từ từ đến bên Bằng. Gã luồn tay vào ngực Bằng, nâng anh dậy miệng kêu thảng thốt:
- Anh Hai! Anh Hai
Bằng vẫn bất động. Gã sĩ quan bước đến chiếc đìa, dùng hai tay vốc nước nhỏ vào miệng, vào mặt Bằng. Đôi môi Bằng mấp máy, rồi từ từ mở mất. Anh ngồi ngay dậy.
Phản ứng rất nhanh, anh tính chụp lấy súng. Nhưng ngay giây phút đó, Bằng chợt hiểu ra. Anh nở nụ cười, nói với gã sĩ quan:
- Trời sáng rồi à
- Dạ, sáng rồi.

**Nguyễn Trường**

Thiên Nhãn

**TÌNH GIÀ**

Rồi ông Tám cũng nhận ra con. Khuôn mặt ông nhăn nhúm lại, từ hốc sâu của đôi mắt già nua ứa ra hai dòng nước đục lờ. Hai đứa con cũng khóc, như lần đầu họ gặp nhau sau nửa thế kỷ chia ly… Hai đứa con ông biết rằng, đây là giờ phút cuối cùng của cha. Lòng họ trào lên sự ân hận, thương xót. Họ nhìn quanh căn nhà, mà đúng ra là căn chòi, vắng quá. Người sắp chết mà vợ của cha mình đi đâu rồi thế này - chú ba vừa thắc mắc vừa lấy khăn tay lau mặt cho cha. Từ người ông Tám bay lên mùi hôi nồng. Chú đỡ cha mình nằm dịch sang chỗ khác. Trời ơi, đáy quần ông Tám dính bê bết phân. Chú Năm giúp anh thay quần áo cho cha. Còn chú Ba xách nước rửa cho ông già. Đã lâu rồi người ta không thay quần áo cho ông.
Nhìn các con, ông Tám thều thào:
- Cho ba gặp mặt má các con.
Tiếng ông Tám yếu quá rồi, ông chỉ có thể sống thêm được vài giờ nữa thôi. Chú ba nói với em:
- Chú mượn ghe lên đón ba về. Nhờ anh Ba Tuấn đưa lên sau. Còn chú, đi mượn xe máy, bảo thằng Bằng chở má lên ngay, kẻo trễ.
Chú Năm lẳng lặng nhìn ba rồi dắt xe đạp về. Chú vừa phóng thật nhanh vừa nghĩ: không biết má có chịu lên gặp ba lần cuối hay vẫn còn giận.
\*
\* \*
Cách đây nửa năm, cả dòng họ nhà chú Năm sửng sốt về tin ông Tám vẫn còn sống. Người mang tin ấy là ông Hai Hà. Ông kể: lần bơi xuồng đi bán thơm, vừa ghé đầu cầu Tân Thạnh, ông trông thấy một cụ già tuổi chừng tám mươi, tóc bạc phơ, nhưng tướng còn khoẻ mạnh, trông có nét quen quen. Phải một lúc Hai Hà mới nhận ra và kêu lên:
- Anh Tám Thành.
Ông già tay cầm trái thơm, tay kia rút tiền trả, nghe gọi đúng tên, giật mình, đánh rớt cả mấy tờ bạc xuống đất. Ông tái mặt, nhưng cũng rất nhanh lấy lại vẻ thản nhiên:
- Anh lầm rồi. Tôi thứ Năm chứ không phải thứ Tám.
Hai Hà nắm lấy tay ông.
- Ông không nhận ra tôi ư. Hai Hà ở chợ Ngã Tư đây!
Tay ông Tám run, ông cố giấu sự xúc động:
- Tôi không biết anh.
Hai Hà vẫn không chịu buông tha, nói:
- Không, tôi không quên, sao ông đi biền biệt cả mấy chục năm vậy ông Tám?
Ông Tám gỡ tay Hai Hà bỏ đi, quên cả mấy tờ giấy bạc bị gió lùa dưới đất…
Ông Ba Tuấn gọi ông Tám bằng chú kêu lên khi nghe Hai Hà kể:
- Vậy là chú Tám vẫn còn sống. Nhà chú hẳn ở quanh đâu đó gần cầu dây Tân Thạnh, hỏi thăm không khó. Bây giờ chú Năm, chú Ba lên tìm ông già về. Đi ngay!
Mắt bà Tám sáng lên lại vụt tối đi vì sự nghi ngờ:
- Tao chắc ổng đã chết rồi.
Mọi người ngạc nhiên nhìn bà. Nghe tin chồng còn sống, lẽ ra bà phải náo nức đi tìm, sao lại có thể nói như thế. Người ta còn lạ hơn khi thấy khuôn mặt nhăn nheo của bà càng hằn vẻ đau khổ hơn khi nghe tin ấy. Nước mắt của bà chảy dài. Người ta thật vô tình. Có ai hiểu được tâm trạng của bà lúc này? Tin vui làm bà nhớ lại quãng đời đã qua của mình. Ngày ông ra đi bà mới ba mươi tuổi. Ngày ấy họ chỉ được sống bên nhau trong từng khoảng thời gian ngắn. Lúc bà mang bầu đứa con thứ nhất là lúc ông tham gia Việt Minh. Thằng bé lẫm chẫm đi. Ông trở về nhưng bà được ở bên chồng hai đêm, ông lại đi. Bà có bầu đứa thứ hai. Đứa thứ ba cũng gần như thế. Bà cắn răng chịu đựng mọi vất vả, thiếu thốn nuôi con. Đối với bà, ông chỉ có công tạo giống. Không chú ý đến điều đó, bà chung thuỷ nuôi con, sống trong thấp thỏm chờ chồng. Thời trẻ, ông Tám đẹp trai nhất xóm. Thân hình cao lớn, dáng dấp tài tử của ông khiến nhiều cô gái trẻ phải nao lòng. Ông có bồ. Tiếng đồn đến tai bà. Bà giận lắm, khổ lắm, nhưng không đi đánh ghen. Bà âm thầm chịu đựng. Có lúc muốn lấy cái chết của mình làm cho ông ân hận.
Thời gian trôi mãi, ông Tám vẫn bặt tin. Đến ngày hiệp định Giơnevơ ký kết, tạm có hoà bình, mọi người trở về. Bà Tám thấp thỏm chờ chồng. Nhiều đêm bà không ngủ, nghe ngóng từng tiếng động bên ngoài. Đêm đêm nghe tiếng chó sủa, bà muốn vùng dậy, chạy ra cổng, mở cửa cho ông. Thời gian cứ thế trôi. Mười lăm... Ba mươi năm... Năm mươi năm... Cháu rồi chắt của bà vẫn chưa biết mặt cha ông. Người ta tin ông đã chết. Gia đình lập bàn thờ, lấy ngày ông ra đi lần cuối cùng làm ngày giỗ.
Té ra ông còn sống. Chắc ông có vợ nhỏ và sống với người ta cho đến nay, quên cả quê hương, quên cả họ hàng, con cái... Đến ngày cha chết cũng không về. Người vô tâm đến thế còn tình nghĩa vợ chồng gì nữa.
Đúng như dự đoán của bà Tám. Hai con bà lên Tân Thạnh hỏi thăm, người ta chỉ nhà ông ngay. Nó nằm bên bờ sông, gần bến bán thơm, chỗ Hai Hà ghé xuồng và đã gặp ông Tám. Căn nhà nhỏ giống cái chòi. Gặp được cha, hai ông con hết cười lại khóc. Ông Tám ngỡ ngàng, hai ông già tóc bạc này là con mình sao? Trong tâm tưởng ông vẫn nghĩ, các con mình còn trẻ nít.
\*
\* \*
Lúc còn công tác cách mạng, ông Tám phụ trách tài chính. Ông quen một cô gái khá xinh đẹp, cô hay chưng diện, may sắm. Ông lấy tiền nhà nước cho cô. Lúc đầu ít thôi, sau dần nhiều lên. Đến nỗi, ông không qua được mắt cấp trên. Ông đành trốn đơn vị về quê cô gái sinh sống ở đó. Ông phải trốn cách mạng, lại không dám về quê: vùng tạm chiếm, sợ địch không để cho yên. Ông trở thành người vô chính phủ, trốn cả hai phe. Sống ngay trên quê mình mà ngỡ ngàng như trên xứ người vì sợ gặp người thân, họ hàng... Đôi lúc ông cũng nhớ nhà, nhớ vợ, nhưng đã lỡ rồi, vợ nhỏ cũng đã có con, bỏ bên nào cũng khổ. Bà vợ nhỏ sống với ông bốn năm, xài đến đồng xu cuối cùng của ông rồi bỏ ông theo một tên cảnh sát lắm bạc nhiều tiền. Sau này ông thành thân với một bà goá. Rồi hoà bình, ông đã già chắc không còn sống được bao lâu nữa. Nhiều lúc ông thấy mình đã xa quê, phụ bạc vợ con gần nửa thế kỷ rồi thì cứ xa luôn thể cho xong. Nhưng có lúc ông lại ước ao được thấy lại quê hương, nhìn mặt vợ con, dù một lần thôi, lại sợ: chắc ở nhà nghĩ mình không còn sống nữa. Thôi , thà cứ để họ nghĩ vậy, để có nhớ, họ nhớ về mình một cách tốt đẹp.
Tạo hóa thật kỳ diệu cũng thật trớ trêu. Ông đang đợi ngày ra đi vĩnh viễn của mình thì các con ông lại bất ngờ tìm đến. Nên mừng, nên tủi, nên khóc hay nên vui?
\*
\* \*
Ông Tám trở về quê hương. Năm mươi năm trời xa cách, cảnh vật đổi thay nhiều quá. Người thân ra chào, ông không nhớ được mấy ai. Ngày ông đi họ còn nhỏ hay chưa sinh ra trên cõi đời này. Những người cùng thời với ông hầu hết đã trở thành người thiên cổ cả. Các cháu ông đầy nhà, chúng chỉ biết đến ông qua lời kể của cha mẹ trong ngày giỗ ông. Và kia, người vợ trẻ của ông năm nào nay trở thành một bà lão gầy còm, da dẻ nhăn nheo, tóc bạc trắng. Đâu rồi tuổi trẻ với làn da căng cứng, bộ ngực nở nang và tình yêu nồng nàn? Ông rưng rưng đứng trước bà. Ôi năm tháng, đã làm cho con người ta trở nên như thế này ư? Thời gian và một kiếp người!
Suốt buổi gặp mặt ông chỉ hỏi bà có một câu "bà có khoẻ không?" Mặc cảm tội lỗi không cho ông nói thêm được lời nào hơn...Bà sẵn sàng tha thứ nếu như ông hỏi đến người con út- đứa con hi sinh gần ba chục nay. Lúc bà có bầu nó ông cũng có về, ông còn sờ lên bụng bà, vuốt ve và ước nó là đứa con gái. Vậy mà bây giờ... bà đâu biết, giờ đây, thời gian xa cách đủ biến ông thành người ngoài cuộc.
Ông Ba Tuấn chỉ người đàn bà ngoài bốn lăm, đứng nhìn ông chăm chú, chờ được ông hỏi:
- Đó là thím Út, cô con dâu út của ông, cô ấy vẫn ở vậy cho đến nay.
Ông ngước cặp mắt xa lạ dưới hàng chân mày bạc phếch nhìn người đàn bà, không nói gì. Thái độ đó của ông càng làm bà Tám thêm giận. Ôi, ông có biết là bà vất vả thế nào khi phải đi làm mướn kiếm tiền nuôi con, lo cưới vợ cho con. Rồi nó hi sinh. Các con bà đưa em về chôn trong đêm một cách lén lút vì sợ giặc khủng bố. Vậy mà bây giờ, ông đã quên tất rồi!
Ở chơi được một bữa, ông Tám lại đòi lên Tân Thạnh ngay. Các con cản không được, đành để ông đi.
Thỉnh thoảng ông Tám lại bệnh. Người vợ nhỏ không đưa ông lên bệnh viện. Ông đã tám mươi rồi, không làm được gì, bệnh rề rề, vợ con phải giặt giũ quần áo, bưng cứt đái, sống thêm để làm cái gì? Cũng may nhờ ông Hai Hà cho hay, chú Ba, chú Năm vội đưa ông lên bệnh viện trên thị xã. Hai ông già túc trực ở bệnh viện để săn sóc một ông già, già hơn.
Lần này ông Tám bị bệnh nặng, trên đó không cho bà vợ cả hay. Đến lúc biết chắc ông già không thể qua nổi mới xuống báo tin. Hai đứa con ông trở lên thăm cha đúng vào lúc cha mình đang hấp hối.
Lúc bà Tám bước vô căn chòi ọp ẹp của ông Tám, ông đã tắt thở cách đó vài giờ đồâng hồ. Bà lẩy bẩy bước từng bước khó nhọc. Bà Tám run rẩy lật khăn phủ mặt ông. Đôi mắt còn mở như chỉ để nhìn bà lần cuối. Có lẽ sau năm mươi năm chẵn, đôi mắt đó lại nhìn thẳng vào mắt bà. Bà Tám run run đưa tay vuốt mắt ông. Đôi mắt khép lại vĩnh viễn mang theo hình ảnh vợ mình. Bà Tám quay mặt để hai giọt nước mắt hiếm hoi khóc chồng không rơi vào mặt ông Tám. Bà nói:
- Tôi đưa ông về dưới đó.
Bà nghẹn lời. Chú Ba vội dìu mẹ lại giường.
Ngoài cổng, hai đứa con riêng của bà vợ nhỏ đang khiêng chiếc hòm về nhà.
Gà gáy hồi nhứt, ghe của ông Ba Tuấn mới lên đến nơi. Nhìn vô nhà, thấy ông Tám đã được khâm liệm rồi, ông Ba Tuấn kêu lên:
- Chết rồi, ai biểu tẩm liệm trên này? Ở dưới đã mua hòm rồi.
Mọi người đều giật mình. Ai cũng lo. Về chiếc hòm, có lắm chuyện linh thiêng. Người ta cho rằng nếu mua dư một hòm là trong nhà thế nào cũng có thêm người chết. Ông Ba Tuấn tặc lưỡi " để tính sau". Quay lại bà vợ nhỏ ông Tám, ông Ba Tuấn nói:
- Chúng tôi thưa với thím, cho gia đình đưa chú Tám về mai táng dưới quê.
Bà vợ nhỏ nói:
- Thôi ông ấy sống ở đâu thì chôn ở đó.
Chú Ba góp lời:
- Ba tôi còn mồ mả ông bà, dòng họ ở dưới. Dì nên để ba tôi về nơi chôn nhau cắt rốn.
- Không, để ba tôi lại – Thằng con riêng bà nhỏ hốt hoảng bước ra buột miệng – chúng tôi đã mua hòm, mua vải rồi, bây giờ chở đi thì còn ai phúng điếu?
À, cậu ta tính kinh doanh cả xác chết ông già? Ông Ba Tuấn giận run nói:
- Trên này không ai có quyền với chú Tám. Có thím Tám tôi được ông bà nội tôi cưới hỏi đàng hoàng, chỉ có thím có quyền quyết định.
Bà nhỏ cúi đầu im lặng. Cậu con Út nói:
- Tiền mua hòm, mua vải gia đình tôi phải mượn cả đó. Bây giờ tính sao?
Bà Tám đau khổ đến cùng cực. Bà nói, giọng yếu ớt:
- Thôi được, hết bao nhiêu tôi trả bấy nhiêu.
Cậu con thứ hai của ông Tám nói ngay:
- Dạ, tiền hòm là bốn trăm ngàn.
Cậu Út nài nỉ thêm:
- Còn tiền nến, tiền nhang, tiền vải, tất cả thêm một trăm ngàn nữa.
Số tiền hòm đã quá mắc, ba thứ linh tinh kia còn mắc quá cỡ. Bà Tám lại nói:
- Tôi nói rồi, bao nhiêu tôi cũng trả hết…
Mặt bà Tám hằn vẻ đau khổ đến không còn chịu đựng thêm nữa. Thằng Hai Bảng, con trai lớn của chú Năm tìm kế hoãn binh:
- Bây giờ không ai ở đây có tiền. Để sau trả.
Nói rồi cậu ta tiến lại chiếc quan tài:
- Mấy bác giúp con khiêng ông nội xuống ghe.
\*
\* \*
Xóm nhà ông Ba Tuấn không có nghĩa địa. Người chết chôn ở vườn nhà mình. Dòng họ nhà ông đã có một chỗ để chôn ở cuối vườn. Ông Tám đã được chôn ở miếng đất cuối cùng còn lại. Vì nghĩ rằng ông chết đã lâu nên miếng đất đó dành làm nơi yên nghỉ của bà Tám. Hôm đưa thi hài ông Tám về, cả dòng họ hoảng hốt khi ở nhà đã mua sẵn một chiếc hòm rồi. Kiểu này xui lắm. Chú ba nói "Đem cái hòm dư đó đốt đi" chú Năm tiếc "Chiếc hòm gỗ tốt, chiếc hòm của ba gỗ xấu, hay là đổi cho ông rồi hãy đốt". Thằng Bảng nói "Phải đó ba. Móc ông nội sang chiếc hòm gỗ tốt rồi đem trả lại cho trển chiếc hòm xấu. Khỏi tốn bốn trăm ngàn". Nói rồi Bảng cười, khoái trá chỉ vì vừa nghĩ ra một cách "chơi" lại cho bõ tức. Bà Tám nghe đau nhói ở tim. Ngay con cháu bà cũng đối xử với cha ông lạnh lùng đến vậy ư? Móc người chết ra, tội nghiệp cho ông biết chừng nào. Bà Tám bước ra:
- Tụi bây khỏi móc ông nội ra, đó là cỗ hậu sự của tao, không ai được giành cả.
Đám đông im phăng phắc. Lát sau con cháu bà mới thở ra, đưa mắt nhìn nhau… Có điều lạ, trước nay bà Tám rất sợ chết. Hình như bà sợ mình không kịp đón nhận một cái gì đó mơ hồ, linh thiêng, nhưng gần gũi… Vậy mà trưa hôm đó bà đã chết. Không một ai biết vì sao bà chết đột ngột như thế. Người ta vẫn cho là vì đã mua dư một chiếc hòm.

**Nguyễn Trường**

Thiên Nhãn

**BI KỊCH CỦA CON NGƯỜI**

Ra khỏi thị xã, chiếc xe hơi vượt qua cây cầu bắc ngang sông, bắt đầu tăng tốc độ. Kim đồng hồ chỉ vận tốc qua đi qua lại ở số sáu mươi. Máy điều hoà phả hơi mát lạnh. Lọ nước hoà bình búp sen gắn gần vô lăng toả hương thơm dìu dịu. Ngồi trong xe, ông Tám lơ đãng nhìn cảnh vật bên đường chạy vùn vụt về phía sau, lòng nặng trĩu ưu tư. Hôm nay ông đi dự một cuộc họp quan trọng do bộ Y tế chủ trì. Thành phần gồm chủ tịch tỉnh cùng giám đốc sở y tế các tỉnh phía Nam. Nội dung bàn về việc nâng cấp mạng lưới Y tế cơ sở.
Ông Tám chợt nói như là để giải toả:
- Mấy cái hồ ao này sẽ san lấp hết để xây bệnh viện lớn trang bị những máy móc hiện đại.
Anh lái xe lên tiếng:
- Đã có kinh phí chưa chú Tám?
- Hôm nay chú bàn về việc đó đây. Trung ương sẽ đầu tư một phần, còn lại do một tổ chức quốc tế tài trợ. Luận chứng kinh tế đã làm xong.
Anh lái xe tuổi chừng hai lăm, thuộc loại người ngũ đoản, lưng gù, chắc khoẻ, nhưng vợ anh lại gầy yếu thường phải đi bệnh viện và anh rành bệnh viện như ở nhà. Mỗi lần nhắc đến bệnh viện anh lại rùng mình, vì cảnh chật chội, hai người, thậm chí ba người một giường. Người ta ngủ cả trên hành lang, lối đi. Mùi thuốc, mùi hôi thối và rất nhiều mùi khác nữa làm người ta lợm giọng. Bây giờ tỉnh sẽ đầu tư xây dựng bệnh viện mới khang trang hiện đại, sẽ không còn cảnh chen chúc, khổ sở. Riêng điều đó cũng làm anh náo nức.
- Cháu cũng mong tỉnh sớm có bệnh viện mới. Việc đáng lo đầu tiên của tỉnh mình là mạng lưới Y tế đã xuống cấp trầm trọng.
Ông Tám gật gù:
- Đúng thế, đúng thế…
Đi làm với Cường đã lâu, có chuyện gì vui buồn ông Tám lại nói với anh. Ông coi Cường như người bạn và Cường cũng rất quí mến ông Tám. Ông không quá xa cách với anh. Ông còn được tiếng là người giản dị liêm khiết. Nếu gặp ông ngoài đường, khó ai biết đó là một vị phó chủ tịch tỉnh. Ông vẫn đi đến cơ quan bằng xe đạp, với bộ quân phục đã cũ, dép cao su, mũ cối. Chỉ thiếu quân hàm quân hiệu là lại trở thành vị đại tá đáng kính. Ông vẫn ở nhà tập thể như những cán bộ nhân viên bình thường. Ông tham gia cách mạng rất sớm, là một trong những người có nhiều huân chương cao quí nhất tỉnh. Bạn bè ông kể, đáng lẽ ông đã lên tướng từ lâu. Lính của ông giờ đã thiếu tướng. Còn ông thì…
Xe vượt qua chiếc cầu dài bắc ngang con sông rộng rồi đi vào cánh đồng vắng, hai bên đường những ruộng lúa chín vàng rực. Lúa ven quốc lộ tốt đến nỗi người ta thường nói đó là những đám lúa triển lãm.
Chợt Cường trông thấy một người đàn bà đang quì giữa đường làm động tác vẫy xe rất tội nghiệp. Anh vội giảm tốc độ. Ông Tám cũng đã trông thấy người đàn bà, ông vội nói:
- Dừng lại xem có chuyện gì.
Cường tấp xe vào bên lề đường. Ông Tám mở cửa bước xuống, đến bên người đàn bà, hỏi:
- Có chuyện gì vậy?
Người đàn bà mếu máo:
- Thưa ông, con gái tôi bị đau bụng, tôi đưa cháu đi bệnh viện, nhưng nãy giờ vẫy mãi mà không có chiếc xe nào dừng lại. Ông làm ơn cứu giúp cháu.
Ông Tám gật đầu nhìn người đàn bà. Chị mặc bộ quần áo màu xanh đã cũ, càng nổi bật nước da ngăm đen. Dáng chị gầy, cao, tướng người long đong vất vả.
Ông Tám nhìn thấy cháu gái chừng chín mười tuổi đang ôm bụng khóc ven đường. Mặt em đầm đìa mồ hôi, môi tái mét. Ông bước tới đỡ cháu đứng dậy:
- Cháu đau ở chỗ nào?
Một tay ôm bụng, tay kia bé níu lấy ông. Cứ mỗi cơn đau bé lại siết chặt ông hơn làm ông thấy tội quá. Đau vùng hố chậu phải dữ dội thế này là đau ruột thừa rồi. Nếu để lâu sẽ nguy hiểm đến tính mạng. Phải cứu cháu bé này, chở cháu lên Sài Gòn? Còn những tám chục cây số nữa. Đường phố Sài Gòn giờ này rất đông người, không thể chạy nhanh được. Quay xe trở về bệnh viện tỉnh gần hơn. Ở đó người ta sẽ mổ cho cháu. Nhưng đưa cháu về có nghĩa là sẽ bỏ lỡ mất cuộc họp. Chủ tịch tỉnh đã đi trước. Luận chứng kinh tế cho cái bệnh viện mới lại đang nằm trong cặp của ông? Hơn nữa ông có nhiệm vụ thuyết trình về luận chứng đó. Mấy tháng nay ông và cấp dưới đã làm cật lực để hoàn thành nó trong thời gian ngắn nhất, không có ông, chẳng hiểu họ sẽ làm ăn ra sao?
Ông Tám thở dài nhìn cháu bé. Cháu lại cứ bám riết lấy ông, cháu đã đặt hết niềm hy vọng vào ông. Và như thế ông càng không thể để cháu thất vọng, càng không thể nhẫn tâm gỡ tay cháu ra khỏi người. Ông thấy sống mũi cay cay. Ôm lấy cháu, ông nói:
- Dù thế nào ông cũng phải cứu cháu.
Ông ẵm cháu lại xe và nói với người đàn bà:
- Chị lên xe đi, chúng tôi sẽ đưa cháu đến bệnh viện.
Người đàn bà bối rối chạy theo ông và lúng túng chui vào xe. Cường cho xe quay đầu rồi tăng tốc độ.
\*
\* \*
Trực ở phòng cấp cứu là một y tá tuổi chừng hai mươi, trắng trẻo trong bộ áo khoác. Cô ngồi sau chiếc bàn trải vải trắng tay thoăn thoắt đôi kim đan, không trông thấy người ta vừa đưa đến một bệnh nhân. Cường đặt cháu gái lên giường rồi quay lại nói với cô y tá trực:
- Cháu bị đau bụng, chị khám giùm cháu.
Cô y tá tay vẫn thoăn thoắt cây kim đan và vẫn không ngẩng lên.
- Bác sĩ trực đi vắng… Anh chờ cho một lát.
Cường đành quay lại với cháu bé. Cháu vẫn rên la:
- Mẹ ơi đau lắm. Cứu con với mẹ ơi.
Người đàn bà ôm chặt lấy con, nhìn Cường cầu cứu.
Cường cũng thấy nóng lòng. Anh đi qua đi lại và không biết làm cách nào giúp cháu bé khỏi đau. Anh ngồi bên em nắm tay bé dỗ dành:
- Ráng chút nữa đi con. Bác sĩ sẽ về cho con uống thuốc, rồi sẽ khỏi ngay thôi.
Cháu bé cố nghiến răng ghìm cơn đau và điều đó càng làm cho Cường thương cháu hơn. Bé có vầng trán phẳng, sống mũi cao, mắt sáng, đúng là một cô bé thông minh. Chỉ tội cháu hơi gầy, kết quả của những ngày thiếu ăn và không được bồi dưỡng. Dù vậy, lớn lên cháu sẽ trở thành một cô gái xinh đẹp.
Nửa giờ sau vị bác sĩ mới bệ vệ bước vô. Chắc ông đi ăn ở đâu đó, cây tăm còn cài trên miệng. Những bệnh nhân chờ ông đã lâu, nhao nhao lên. Ai cũng muốn được khám trước. Cường níu ngay lấy ông bác sĩ:
- Thưa bác sĩ, cháu tôi có lẽ bị đau ruột thừa cấp. Bác sĩ khám cho cháu ngay giúp kẻo muộn.
Bác sĩ rút cây tăm trên miệng ném qua cửa sổ rồi theo Cường lại khám cho cháu gái. Một lúc, ông nói:
- Đúng là bị đau ruột thừa. Anh sang phòng bên đóng tiền rồi chúng tôi sẽ mổ cho cháu.
Cường lúng túng nhìn người đàn bà vì anh không có sẵn tiền trong túi. Người đàn bà cũng bối rối hơn:
- Thưa bác sĩ, bác sĩ hãy cứu giúp cháu…. Cháu sẽ đóng tiền sau.
Ông bác sĩ cau mày:
- Chị này lạ thật. Bây giờ vào viện là phải chuẩn bị tiền thuốc thang, tiền bông băng dao kéo.
Người đàn bà nói như mếu:
- Bác sĩ thương tình. Cháu đang đi học thì bị đau giữa đường. Tôi vội đưa cháu đi ngay, chẳng kịp quay về lấy tiền.
Ông bác sĩ cau mày hất hàm về phía Cường:
- Bảo anh này về lấy tiền.
Rồi chẳng kịp để Cường và người đàn bà nói thêm, ông bước sang giường bệnh nhân khác.
\*
\* \*
Ở bên ngoài ông Tám cứ liên tục liếc nhìn đồng hồ. Họ làm gì mà lâu thế? Chắc trên thành phố cuộc họp đã đến giờ khai mạc. Giá mà ông có đôi cánh để bay đến kịp giờ họp. Vắng ông, không biết người ta sẽ triển khai nó như thế nào. Theo chương trình, sáng mai, các cán bộ ở Trung ương sẽ "bay" ra Hà Nội. Bỏ lỡ dịp này, chắc chắn ông sẽ gặp nhiều rắc rối. Nhưng cái chính vẫn là chương trình nâng cấp mạng lưới Y tế của tỉnh sẽ gặp khó khăn. Không dằn được nữa, ông Tám mở cửa xe bước xuống và đi vào bệnh viện.
Ông Tám giận sôi lên. Thì ra mọi sự chậm trễ lại do sự tắc trách của bệnh viện. Ông nói với cô y tá trực:
-Cháu bé bị đau như thế mà các đồng chí dửng dưng thì lạ thật. Bác sĩ đâu, không có tiền thì cũng phải cứu người ta.
Cô y tá ngước lên thấy ông già gầy gò mặc bộ quân phục đã cũ giống như người nhà quê, cười khẩy:
- Không có tiền thì về lấy tiền. Bây giờ không còn bao cấp như hồi xưa.
Không kềm chế được, ông Tám nổi nóng:
- Không phải xoá bao cấp là cái gì cũng tính tiền lợi nhuận. Không có cái gì quí hơn tính mạng con người.
Cô y tá không vừa:
- Ông là ai mà dám vào đây dạy dỗ người ta? Đúng là lão già lẩm cẩm.
Ông Tám tái mặt.
Giám đốc bệnh viện Mười Tân nghe hai người to tiếng vội đi xuống phòng trực. Trông thấy ông Tám, giám đốc giật mình nở nụ cười chạy đến bắt tay ông:
- Anh Tám! Không ngờ anh lại có mặt ở đây. Mời anh lên phòng tôi uống nước.
Ông Tám vẫn chưa hết bực mình. Ông hất hàm chỉ cô gái trực, nghiêm giọng:
- Nhân viên của anh làm việc như thế đó…
Giám đốc bệnh viện xin lỗi ông rối rít.
Cháu gái được đưa ngay lên bàn mổ.
\*
\* \*
Ra khỏi thị xã, ông Tám giục Cường phóng xe thật nhanh hy vọng vớt vát được chút thời gian còn lại. Nhưng mọi cố gắng đó đều vô ích. Đến nơi, đã mười một giờ trưa. Cuộc họp đã kết thúc.
Ông Tám đi tìm ông Năm Thọ Chủ tịch tỉnh. Ông Năm vốn là phó tiến sĩ kinh tế học ở Đức về. Một con người thích sự rạch ròi, luôn hướng về mục đích cụ thể hơn là bị tình cảm chi phối. Người ta đồn ông chịu ảnh hưởng tư duy của người phương Tây, tin vào khoa học thực nghiệm và lô gíc. Gặp ông Tám, ông Năm lạnh lùng nói:
- Anh giải thích đi!
Ông Tám kể lại việc xảy ra dọc đường.
Ông Năm nói giọng nặng trịch:
- Tôi đã trông thấy mẹ con nhà ấy vẫy xe. Nhưng tôi hỏi anh, giữa một việc cỏn con ấy với việc xây dựng cả một loạt bệnh viện để cứu bao nhiêu sinh mạng con người thì cái nào cần thiết hơn?
Ông Tám cố ôn tồn:
- Nhưng tôi không thể vô tình trước sinh mạng của cháu bé.
- Hừ, tôi nghĩ là anh đã quá già rồi đấy! Công việc có lẽ không còn thích hợp với anh nữa.
Nói rồi ông Năm đứng dậy bỏ đi trước sự bối rối của ông Tám.
\*
\* \*
Qua kính chiếu hậu, Cường thấy ông Tám ngồi buồn xo. Anh là người gần gũi ông Tám nên hiểu và thương ông. Không riêng anh, nhân dân trong tỉnh cũng rất yêu quí ông. Nhà ông lúc nào cũng có khách. Người đến xin cho con họ được chuyển về dạy ở thị xã, người nhờ can thiệp tranh chấp ruộng đất, người nhờ giúp đỡ trong vụ kiện cáo, vụ trù dập… Ông bỏ ra hàng giờ nghe họ trình bày nguyện vọng. Rồi ông đi giải quyết công việc cho bà con. Dĩ nhiên ông làm một cách vô tư, không hề nhận quà của một ai. Hàng ngày ông ngập trong biển khách, trong các vụ việc. Ông gầy ốm đi, người phờ phạc, ông không được ngủ trưa đã đành mà cả những buổi tối, thậm chí cả những đêm khuya cũng còn có người kiếm. Ngay trong tỉnh uỷ cũng có người phê bình ông chơi trội. Trong đấu tranh chống tiêu cực, đụng ở đâu là ở đó có ô dù. Nhiều cái ô to đến ngạc nhiên. Ông bị sức ép từ nhiều phía. Lời tuyên bố trưa nay của Chủ tịch tỉnh là hệ quả của những việc làm "tai tiếng" xưa nay. Việc ông bỏ lỡ cuộc họp chỉ là giọt nước làm tràn ly nước. Cường thở dài hiểu rằng, làm một người lãnh đạo trong lúc này khó khăn lắm. Chủ tịch và phó chủ tịch cách xa nhau nhiều quá. Rồi sắp tới tình hình sẽ ra sao?
Xe về đến thị xã, ông Tám chồm dậy vỗ vào vai Cường:
- Ghé vào bệnh viện một chút.
Dọc đường về ông Tám thấy lòng nóng như lửa đốt, ông lại nhớ đến cháu bé. Không biết cháu giờ này ra sao?
Xe dừng ở cổng bệnh viện, ông Tám hớt hải bước vào phòng trực. Cô y tá nhận ra ông mỉm cười:
- Cháu chào chú Tám, chú mới đi họp về?
Ông Tám gật đầu:
- Chào cháu. Thế cháu gái đã mổ xong rồi chứ?
Cô gái đáp:
- Cô bé bị đau ruột thừa mà chú đưa đến sáng nay phải không ạ? Mẹ cháu đã đưa cháu về rồi.
Ông Tám hốt hoảng:
- Sao lại đưa về?
- Em đã chết.
Ông Tám thấy trước mắt tối sầm lại, ông ngồi phịch xuống ghế ôm lấy đầu. Một lúc sau ông mới thốt nên lời:
- Làm sao cháu lại đến nông nỗi đó?
- Cháu bị vỡ ruột.
Ông Tám thấy đau nhói ở tim hình ảnh cháu gái đau đớn kêu khóc:
- Cháu chết oan, bác ơi!

**Nguyễn Trường**

Thiên Nhãn

**QUÊ HƯƠNG**

Mỗi lần về quê, Trung lại bước những bước lâng lâng, từng tấc đất quê hương chứa đựng biết bao kỷ niệm và nỗi nhớ, nhất là những ngày ở chiến trường, anh chỉ ước ao được thấy lại quê hương và những người thân quen. Đi vào chỗ, chỉ riêng bị sốt rét mà chết, đơn vị Trung đã vơi đi quá nửa. Được trở về lúc đó, với Trung chỉ là tia hy vọng mong manh. Có lúc mắc võng ở một bên cánh rừng, sau giờ nghỉ ngơi yên tĩnh, nhìn sang trảng cỏ bên cạnh, những vạt rừng xanh tươi, gió đung đưa, một đôi cánh chim trắng chấp chới trong ánh nắng chiều vàng rợi, anh thấy sao giống những lùm cây và buổi chiều nào đó của quê mình. Đi qua con sông nước cuồn cuộn chảy, những chiếc xoáy khổng lồ sẵn sàng nhấn chìm bất cứ con thuyền nào trôi vào đấy, Trung lại nhớ đến vực Chế ở quê mình, chiếc vực cũng hùng vĩ không kém. Cánh đi bè qua đấy thường dừng lại cả tuần cuốn bè, quẳng xôi gà xuống cúng Hà Bá rồi mới dám vượt qua. Và những cô gái của quê hương có đôi mắt trong như da trời mùa thu, tiếng nói thánh thót, êm dịu như tiếng suối, tiếng đàn của núi rừng Tây Nguyên. Những ấn tượng đó đã đi vào tiềm thức của Trung.
Vượt qua con dốc cao, Trung dừng lại. Kia là cây đa đầu làng, cây đa to đến nỗi đội thiếu niên của xã đã từng hạ ba cái trại mới giáp vòng được gốc cây. Cành vươn lên cao vút. Chim chóc tha hồ làm tổ trên đó, nó vượt qua tất cả tầm súng cao su của bọn trẻ. Phía đầu làng, con sông Mã uốn khúc chạy quanh co ven các làng Yên Lược, Yên Sở, rồi đổ ra cửa Lạch Trường. Một đôi cánh buồm nâu điểm xuyết trên nền trắng bạc màu nước, vẻ như con thuyền đang đứng yên trong bức tranh sơn thuỷ.
Trung về đến đầu làng, bờ sông có bãi cát vàng thoai thoải. Những buổi chiều sau khi cho trâu ăn cỏ no căng, bọn trẻ con cùng lứa với Trung lại đánh trâu xuống tắm, lũ trẻ cởi phăng quần áo chạy xuống nước, té nhau, ngụp lặn, la hét vang cả một khúc sông, làm cho mấy cô gái đang tắm ở bến Hàn, cách đó một quãng, trên đầu nguồn nước giật mình ngẩng đầu lên mắng yêu chúng một vài tiếng, rồi rúc rích nhìn nhau cười. Mùi xà phòng thơm của các cô các chị bay ngan ngát khắp bến tắm, thơm cả vào giấc mơ của Trung lúc cậu còn ở nhà và cả ở trong rừng Trường Sơn xa ngái.
Bây giờ đang là mùa thu, dòng sông Mã trong đến không biết là nước hay mây trời. Mùa thu mát lạnh nên bến không có người tắm, vắng đến nao nao. Trung rùng mình, cái cảm giác ớn lạnh của trận sốt thập tử nhất sinh năm nào như ập về. Hồi ấy, sau khi tắm thoả thuê, Trung bỏ lũ trẻ lên mặc quần áo trước. Một cục bùn từ dưới bến bay vút lên trúng vào lưng cậu, một tràng cười vang của lũ trẻ. Trung biết đó là trò đùa của thằng Tư, cùng tuổi với Trung, hắn to khoẻ như một đô vật. Trung đành phải chạy xuống tắm lại. Vừa bước lên, lại một nắm bùn nữa văng tung toé khắp đầu cổ Trung. Cứ như thế, chừng Tư tắm đã mới cho Trung lên bờ mặc quần áo. Bữa đó Trung về bị cảm lạnh, sốt li bì cả tuần lễ. Nỗi sợ ấy còn ám ảnh Trung cho đến ngày anh là đồng đội của Tư… Mới đó đã mấy chục năm. Bây giờ trở về quê hương chỉ còn một mình Trung. Trái tim anh chợt buồn tê tái.
\*
\* \*
Lần nào về quê Trung cũng ghé thăm nhà bác Sáu, cha của Tư. Nhà ông Sáu nằm ở đầu làng, một căn nhà đơn sơ, mái ngói cũ kỹ, khoảng sân đất rêu xanh, hình như rất ít người lại qua. Bao giờ cũng vậy, bước chân đến ngõ là Trung kêu toáng lên.
- Bác Sáu ơi, bác Sáu!
Thường là bà Sáu ở trong bếp chạy ra, bà lột tấm khăn trên đầu xuống lau đôi mắt kèm nhèm rồi cười rạng rỡ:
- Thằng Trung mới về hả. Vào uống nước đi cháu.
Bà đưa anh vào nhà, loay hoay pha trà và hỏi anh luôn miệng. Lúc anh vào bà vui, nhưng đến lúc Trung ra về bà lại khóc.
Nhìn Trung bà càng nhớ đến Tư. Hai đứa cũng sinh một tháng, cùng đi bộ đội một ngày. Trung trở về còn thằng Tư con bà thì…
Lần này Trung gọi mãi mới thấy bà Sáu bước ra. Trông thấy anh, bà oà khóc:
- Cháu nói dối bác. Thằng Tư hy sinh rồi. Thế mà từ ấy đến nay không nói thật cho bác.
Trung bàng hoàng. Làm sao có thể như thế được? Nhìn bà Sáu tóc bạc trắng, đôi mắt kèm nhèm càng mờ hơn, lòng anh trào lên nỗi xót thương. Anh ngẩng lên, trên tường treo tấm bằng Tổ quốc ghi công còn mới nguyên ghi rõ "liệt sĩ Nguyễn Văn Tư".
- Người ta báo tử rồi?
Thay cho câu trả lời Trung, bà sáu càng khóc to hơn. Đôi vai gầy rung rung, cái khăn trùm đầu lau không biết bao nhiêu nước mắt. Ông Sáu mất cách đây một năm. Trung về đúng lúc ông già đang ở những ngày tàn lụi cuối cùng. Trước khi nhắm mắt, ông thều thào nói với anh: "Đi tìm thằng Tư về, để mẹ nó…" Trung oà khóc nắm chặt lấy bàn tay ông, bàn tay đã trở nên lạnh giá. Bao nhiêu năm chờ con về, chờ trong vô vọng. Hai ông bà chỉ còn chiếc phao cầu cứu là chút niềm hy vọng ở những tin tức nơi Trung. Song sự thật còn phũ phàng hơn cả sự dối trá. Anh không thể…
 \*
\* \*
Giải phóng được ba tháng, đơn vị Trung bắt đầu giải quyết cho anh em chiến sĩ về phép thăm gia đình. Lẽ ra Tư cùng đi một đợt với Trung, nhưng lại nhường đợt phép này cho người khác. Sau này Trung mới hiều vì sao Tư lại làm như thế. Lúc trả phép, Trung hồn nhiên kể về quê hương cho Tư nghe. Ngày trở về bà con đến thăm Trung thường hỏi vô miền Nam có mang được cái gì về không. Ô hay, Trung đi đánh giặc, thắng giặc trở về là vinh dự rồi còn mang cái gì về nữa. Đến người thứ năm hỏi anh như thế, Trung nổi cáu "Tôi mang chiến công về". Người ta cười ồ. Thằng Kiện đi bộ đội sau Trung, mang chiếc Honda về chạy mù khói khắp làng, dân làng cho như thế là oai lắm. Nhưng Trung không buồn, anh càng thấy thương người nông dân quê anh. Cũng tại người ta khổ quá. Suốt ngày ngoài đồng, tối về thắp ngọn đèn dầu leo lét, cơm xong tắt đèn đi ngủ cho đỡ tốn dầu. Làm gì có sách báo phim ảnh để nâng cao đời sống tinh thần. Trung sống trong tình thương yêu của gia đình. Trung mang được người về, với mẹ, là quí nhất trên đời. Bà như hồi xuân trở lại. Vừa thổi cơm mẹ vừa nói:
- Con Trọng nó vẫn hỏi thăm con đấy.
- Cô Trọng hả mẹ, cô ấy đã…
- Chưa. Nó đang là kỹ sư chăn nuôi của xã. Con bé tốt nết đáo để. Bao nhiêu đám ngấp nghé rồi đấy.
Trọng ư? Cái cô bé tóc ngang vai ngày nào vẫn nhờ xe anh đến trường đi học. Rồi lần anh lao xe xuống dốc làm cô bé sợ hãi ôm chặt lấy anh. Lần đầu tiên anh nóng ran người khi cảm nhận được từ phía sau lưng khuôn ngực mềm mại ấm áp của một cô gái áp sát vào anh, bé bỏng và tin cậy. Anh như bay lơ lửng.Ý thức về mình là một thằng con trai thức dậy. Giá như không có chiến tranh chắc ngày đó anh và Trọng đã... Anh hồi hộp khi nghĩ tới phút giây gặp Trọng, gặp lại bạn bè thuở ấu thơ với bao kỷ niệm êm đềm...
\*
\* \*
Hồi mới nhập ngũ, cánh lính trẻ chẳng ai muốn nhận chức anh nuôi, suốt ngày làm bạn với nồi niêu, soong chảo, gặp các em thì ngượng lắm, nhưng Tư lại xung phong. Lúc đơn vị hành quân dọc Trường Sơn, gặp đồng bào Thượng, bộ đội thường mang quân trang và vật kỷ niệm ra đổi lấy thực phẩm hoa quả. Riêng Tư, anh ta có sẵn đá lửa, mì chính - dĩ nhiên là ăn bớt của đơn vị - để đổi lấy quế, cất kỹ dưới đáy ba lô.
Một lần có ông già da đỏ au, ngậm chiếc tẩu to sụ đi cùng với ba người đàn bà đều ở trần, cặp vú to sề sệ, chiếc váy màu sắc sặc sỡ, đến gặp bộ đội, ông già nói giọng người kinh lơ lớ:
- Bộ đội có ảnh cụ Hồ, cho đồng bào...
Các chiến sĩ dáo dác hỏi nhau, nhưng đi chiến trường mấy ai mang theo ảnh Bác Hồ. Trung chợt nhớ ra, trong cuốn sổ tay của mình in ảnh Bác, anh xé ra trao tận tay cụ:
- Chúng con có ảnh Cụ Hồ đây, biếu đồng bào...
Mắt ông già và những người đàn bà đều sáng lên, cùng reo bằng thứ tiếng dân tộc họ. Rồi một chị có cập vú cân đối mang hai con gà trống nặng đến ba bốn cân trao tận tay Trung:
- Đồng bào tặng bộ đội.
Trung từ chối thế nào cũng không được. Hôm ấy trung đội được bữa " ấm chân răng". Hôm sau Tư một mình lặng lẽ vào bản, hắn lấy ảnh các diễn viên điện ảnh, đổi được khá nhiều quế. Trung biết chuyện ngạc nhiên hỏi: "Cậu không đổi gà cho đơn vị ăn lấy sức hành quân mà đổi quế làm gì? Tư cười: "Đúng là nhà thơ mơ mộng, xuống đến đồng bằng quế có giá như vàng hiểu chưa? " "Đi đánh giặc biết sống chết lúc nào mà cậu lo tích trữ làm giàu". Tư cười to hơn: "Ai sống cũng có mục đích, như cậu lấy thơ ca làm mục đích vậy". Bây giờ, nghe Tư nói thế, Trung chợt hiểu ra và hỏi hắn: "Thế ba lô quế của cậu đâu". Mặt Tư đượm buồn: "Mất ở hậu cứ rồi". Hồi đơn vị Trung đánh đồn Cả Cái, các chiến sĩ mang theo súng đạn, bông băng, còn ba lô quân trang để cả ở hậu cứ. Đánh đồn thắng lợi trở về thì hậu cứ bị bom tan tành. Ba lô quế và cả những của chìm của nổi bao nhiêu năm Tư tích cóp bay đâu mất. Ngày ấy Trung thấy Tư khóc, người ngơ ngẩn một thời gian, "Mình phải làm lại từ đầu". Tư ít nói, nhưng nói cứ như đinh đóng cột. Sau này Trung mới biết kế hoạch "làm lại từ đầu" của bạn…
 \*
\* \*
Đơn vị Tư đóng quân bên con sông Tiền Giang, lúc nào cũng tấp nập thuyền ghe. Ghe thương hồ, như một cái tiệm tạp hoá di động thường ghé vào đơn vị Tư đóng quân bán thực phẩm và những thứ lặt vặt khác cho bộ đội. Tư gặp một người đàn bà bơi chiếc ghe nhỏ, trên ghe có đứa con gái lên năm. Chị hơi gầy và đen, mũi hếch, quyền cao hơn mũi, miệng lại rộng, hàm răng "chín sáu ba không". Đó là một người đàn bà tẻ nhạt, chẳng có gì hấp dẫn người khác phái. Nhưng với Tư lại khác. Tư không nhìn nhan sắc của chị ta mà nhìn vào sợi dây chuyền vàng nặng trịch dễ đến năm chỉ, làm cho cái cổ đã ngắn lại đen như càng ngắn và đen hơn. Bàn tay cáu bẩn thật không xứng với hai chiếc nhẫn vàng. Những thứ đó hấp dẫn Tư làm anh thấy chị rất có duyên. Sau khi mua mắm xong, lúc trả tiền, Tư mở lời:
- Chị bơi thuyền một mình không thấy mỏi sao? Ảnh đâu?
Người đàn bà nhìn nhanh qua người Tư. Một người to khoẻ, tấm lưng rộng như cánh phản và đôi tay rắn chắc như làm bằng thép, có chèo thuyền cả trăm cây số cũng không biết mỏi. Và chị cười lúng liếng đáp lại lời Tư:
- Thuyền chỉ có mình "ên" thôi...
Hai người hợp ý nhau nên câu chuyện cứ kéo dài đến bất tận. Hôm sau có người nhìn thấy Tư bước xuống thuyền của người đàn bà xuôi dòng nước bồng bềnh trôi ra sông Tiền mênh mông
Hồi ấy được tin Tư mất tích đơn vị cử người đi tìm và chính Trung hỏi thăm về tận quê hương người đàn bà bán mắm. Nhưng nhà cửa chỉ là nơi tạm bợ, chủ ghe thương hồ hầu như quanh năm suốt tháng sống bồng bềnh nay đây mai đó theo chuyến hàng mà họ bán buôn. Miền Tây Nam Bộ và Đồng Tháp Mười kênh rạch như bàn cờ, biết tìm Tư nơi đâu?
\*
\* \*
Chôn cất ông Sáu xong, Trung xin nghỉ phép năm làm một chuyến vào miền Nam tìm bạn. Trung đến thành phố Hồ Chí Minh rồi mua vé xe vào huyện Hồng Ngự và đáp một chuyến đò máy nữa vô sâu trong Đồng Tháp Mười, quê hương của người đàn bà buôn mắm. Là cứ đi cầu may, hy vọng gặp Tư rất mong manh như một làn khói thuốc. Lần này, chiếc ghe thương hồ của vợ chồng Tư đang đậu ở bến sông ở trước nhà. Trung mừng thầm, mình gặp may chăng?
Ngôi nhà vợ chồng Tư cất trên bờ kinh, lợp bằng lá dừa nước, vách cũng bằng lá dừa nước, cột kèo là những cây tràm cong queo. Mái đã rách nát, từng luồng sáng dọi xuống lốm đốm trên nền nhà, giường chiếu.
Vợ Tư già đi nhiều, gầy và đen hơn ngày Trung gặp chị ghé thuyền vào bến sông đơn vị anh năm xưa. Ba đứa con của Tư, hai trai một gái cũng giống mẹ, đen nhẻm và ốm tong teo. Gia đình này đang có chuyện buồn? Vừa bước vào nhà là Trung cảm được điều đó. Anh tế nhị vòng vo tam quốc một hồi, rồi cũng dẫn vào chuyện chính lúc nào không biết.
\*
\* \*
- "Ai mua mắm không... Mắm cá lóc, mắm cá thác lác đây..." Chín giờ rồi, người dân dọc kinh Ma – Ren còn nghe tiếng rao lơ lớ giọng Nam lẫn Bắc cất lên, kéo dài mênh mông. Bà con đã quen với tiếng rao ấy, họ bảo nhau: "Anh Tư Bắc Kỳ đó, thiệt là chịu khó" giờ này người ta thường ngồi xem vô tuyến ít ai để ý đến cá mắm. Trong ghe, tiếng người đàn bà:
- Thôi nghỉ đi anh. Khuya rồi.
Người đàn ông hướng thuyền ghé vào gầm một ngôi nhà sàn, lục cục cột ghe vào cọc rồi chui vào khoang. Người đàn bà đưa cho chồng tấm khăn. Anh chồng lau qua khuôn mặt đầm đìa mồ hôi rồi giơ ngón tay đeo chiếc nhẫn vàng ra trước ngọn đèn ngắm nghía:
- Đẹp quá! Vàng Kim Thành bốn số chín, là hạng nhất. Tiệm vàng này bao giờ cũng cao hơn các tiệm khác hai chục ngàn, nhưng uy tín.
Vợ Tư nhăn nhó:
- Anh mê vàng như đàn bà mê nữ trang, khéo lại cái mất. Tư cười cố tháo chiếc nhẫn khá chặt ở ngón tay út:
- Phải cất đi, đeo mãi sợ nó mòn mất, bán lỗ chết.
Tiếng con gái lớn của Tư:
- Ba ơi, cho chúng con lên coi ti vi đi ba.
Tư vừa lục cục mở rương vừa gắt:
- Ti vi gì, ở nhà, mà mấy đứa ngủ đi.
Vợ Tư bàn:
- Anh ạ, hay là mai mình về quê, cho mấy đứa nó đi học. Chúng nó quá tuổi nhiều rồi.
- Học hành gì tốn tiền. Rồi ai coi chúng cho mình đi buôn. Thời bây giờ cứ có tiền là có tất cả. Chữ nghĩa mà làm gì.
Vừa nói Tư vừa mở chiếc khăn mùi xoa gói hơn chục chỉ vàng ra ngắm nghía, say sưa như người ta chiêm ngưỡng bức tranh nghệ thuật. Vợ Tư thở dài, tính của Tư cực đoan, đã nói là làm, vợ con cấm cãi. Được cái anh không rượu chè, trai gái. Cả đời tích góp làm giàu, không dám ăn tiêu, không mua một cái gì kể cả cái đài bán dẫn vài chục ngàn đồng. Hình như anh dị ứng với văn chương, với thời sự, nghệ thuật. Nhiều người nói với chị, có được anh chồng chí thú làm ăn là nhất rồi. Chả bù chồng nhà người ta, suốt ngày cờ bạc làm đồng nào lại nhậu nhẹt hết, về còn đánh vợ, chửi con. Chị ngẫm nghĩ người ta nói cũng có phần đúng. Như chị chẳng phải học ngày nào, vẫn có sao đâu.
Lúc đã nằm trong tay chồng, thiu thiu ngủ, chị bỗng nghe thấy tiếng băng nhạc vọng xuống "Quê hương nếu ai không nhớ, sẽ không lớn nổi thành người". Chị chợt nhìn sang chồng. Anh đang ngủ say. Tiếng gáy ò ò đều đặn. Lấy nhau cả chục năm trời vậy mà chị chưa một lần bước tới quê anh làm lễ ra mắt bố mẹ chồng:
- Này anh, anh có nghe bài hát quê hương không?
Bị đánh thức bởi câu hỏi: "ngớ ngẩn" của vợ Tư càu nhàu: "Quê hương hở, bao giờ được mười cây vàng thì về". Chị thắc mắc "Chúng ta làm mười năm rồi mới có được một cây. Một trăm năm nữa mới được mười cây, lúc đó có còn sống không mà về". Bỗng Tư choàng tỉnh hẳn, ngồi dậy và cả đêm đó thao thức mãi. Sáng ra chị thấy mặt anh dại đi, đôi mắt thâm quầng, con ngươi đỏ nọc. Anh khóc chăng? Không, từ ngày làm bạn với anh, chưa bao giờ chị thấy anh khóc, dù là gặp hoàn cảnh đau thương nhất. Và chị giật mình nhận thấy, mới có một đêm thức trắng, tóc anh đã bạc đi quá nửa. Anh nói với chị:
- Em và con ở đây, anh phải đi Long Xuyên một bữa. Mai anh về.
Chị linh cảm ở anh có cái gì hệ trọng. Hình như anh muốn nói với chị điều gì nhưng lại thôi. Tính anh lầm lì chị cũng quen rồi, không hỏi han nhiều. Ngày anh đi chị nóng lòng, cứ vào ra không yên. Ngày hôm sau, cũng không thấy anh trở lại, hai ngày tiếp theo anh cũng bặt tin. Chị và các con cứ ngóng ra con đường trước cánh đồng tìm hình bóng anh.
Người đàn bà thở dài nhìn ra ngoài bờ kênh, Trung cũng dõi mắt nhìn theo chị. Phía đó, Đồng Tháp mênh mông, nắng chói mắt bốc hơi nước láng nháng, một cơn gió xoáy cuốn bụi lên thành một chiếc vòi chạy ra xa tít.
- Hôm ấy anh trở về dẫn theo chiếc xe đạp, sau xe là một thùng kem to tướng. Anh rung chuông leng keng và cười khi thấy mẹ con em:
- Kà rem đây, cà rem sầu riêng Châu Đốc đây!
Em phì cười vì từ cách ăn mặc cho đến điệu bộ của anh giống một ông lão bán kem quá. Còn mấy đứa con reo ầm cả lên:
- Ba bán kem! Ba bán kem! Cho con ăn với.
Anh nghiêm nét mặt
- Ai ăn kem phải trả tiền.
Hai đứa bé ngơ ngác. Anh phì cười mở nắp thùng kem trao tận tay đứa con mỗi đứa hai cây kem đang bốc hơi nghi ngút.
Sau này em mới hiểu vì sao anh đổi sang nghề bán kem. Anh thấy cứ buôn mắm mãi thì rất khó làm giàu nhanh được. Chỉ còn cách đi buôn lậu. Anh lên biên giới Việt - Miên mua thuốc lá ba số năm, mang về Sài Gòn bán, lời một gấp rưỡi. Nhưng đường từ biên giới về phải qua ba trạm kiểm soát rất gắt gao. Có người bỏ thuốc lá trong bụng giả làm bà chửa, có người nẹp thuốc lá vào bắp chân, bỏ trong cốp xe gắn máy vv... . Tất cả các mánh khoé đều bị phát hiện. Anh đã nghĩ ra cách đặt làm một thùng kem bốn cạnh rỗng để gắn xốp giải nhiệt cho kem khỏi chảy, đút được bốn cây thuốc. Một thùng kem anh giấu được mười sáu cây. Anh giả bộ mua kem bỏ đầy thùng, vừa đạp qua trạm gác vừa rung chuông leng keng: "Kem sầu riêng Châu Đốc đây". Những người ở trạm kiểm soát nghi ngờ tất cả mọi người qua trạm.
Thùng kem to thế kia chắc chắn là mục tiêu chú ý của những người kiểm soát. Họ vẫy anh vào:
- Bán kem, vào đây.
Người kiểm soát viên lấy cây que chọc từ trên thùng kem xuống tận đáy rồi rút ra ướm lên bên ngoài thùng. Chiếc que chỉ đúng chiều cao của thùng, như thế thùng chỉ toàn là kem, không phải loại thùng hai đáy.
Người kiểm soát viên gật đầu:
- Được rồi đi đi.
Anh thoát qua các trạm kiểm soát một cách đàng hoàng như thế. Mỗi chuyến, anh kiếm được cả trăm ngàn đồng lãi. Sau buổi giao hàng xong, anh để riêng số tiền lời sang một cặp, vuốt ve nó, âu yếm như người con trai vuốt ve mái tóc của người con gái mới chớm yêu.
Đi đêm có ngày gặp ma. Bữa đó, anh bị cơ sở báo. Trạm kiểm soát đầu cầu kiểm tra anh rất kỹ, không thấy gì, đã cho anh đi. Anh thở phào nhảy lên xe, mới đạp được vài thước lại nghe tiếng còi rú lên. Lần này là người trạm trưởng to béo vẫy anh trở lại. Đúng là một ông quan "mặt sắt đen sì", ông ta cũng thọc que vào thùng kem, lẩm bẩm: "quái lạ, không tin được". Ông gõ que vào bốn cạnh thùng kem. Tim anh thót lại. Anh toát mồ hôi trán "Thôi rồi, gặp lão này là chết rồi". Quả nhiên ông trạm trưởng ra lệnh:
- Tháo thùng kem xuống!
Anh Tư cố lấy giọng cứng cỏi:
- Chỉ có kem thôi. Ông cho con đi kẻo trễ.
- Tôi biết trong thùng kem của anh có cái gì rồi. Tháo xuống mau.
Nói rồi ông ta tự tay gỡ nhanh dây ràng thùng kem, lật sấp thùng kem xuống. Ông ta nhìn thấy "cánh cửa" để anh đút thuốc lá lậu. Mặt anh tái mét. Anh ôm lấy chân ông trạm trưởng kêu lên:
- Ông tha cho con. Con trót dại.
Ông trạm trưởng mặt bừng bừng tức giận:
- Tinh vi thật! Tinh vi thật… Đừng hòng qua được tai mắt của nhân dân…
Anh lao vào ông trạm trưởng như một con hổ, anh đấm đá túi bụi, miệng hét điên loạn:
- Trả thuốc lại cho tôi. Trời ơi, toàn bộ vốn liếng của tôi.
Những người lính của ông xông đến. Họ áp vào vật sấp anh xuống và còng tay anh, nhốt vào một căn phòng kín mít. Mặc cho anh vùng vẫy gào thét, đến khản đặc, đôi bàn tay bật máu. Lúc người ta mở cửa xem thì thấy anh ngất xỉu. Họ vội chở anh đến bệnh viện. Anh tỉnh dậy, trở nên ngơ ngơ ngác ngác… Điều trị đã lâu mà anh vẫn không bình phục.
\*
\* \*
Trung vào nhà thương dành cho những người tâm thần tìm Tư. Bây giờ Tư chỉ còn là cái xác không hồn. Mắt anh nhìn xoáy vào hư vô. Nhà thương dành riêng cho anh một góc và anh thơ thẩn với cái góc của mình, hiền lành như một đứa trẻ, đôi khi lại vừa khóc vừa cười. Tư không còn nhận ra Trung nữa.
Trung lên đường trở về với một khoảng trống không cứu vãn nổi, như một mảnh quê hương anh đã đánh rơi ở một nơi nào đó.
Bây giờ đứng trước bàn thờ và bằng tổ quốc ghi công của Tư, Trung lại thấy nghèn nghẹn ở cổ. Có nên nói sự thật cho mẹ Tư nghe không? Thôi, bà đã già yếu quá rồi, đừng để bà phải nhận thêm một nỗi đau nữa. Rưng rưng, anh cũng đốt ba cây nhang cắm lên bàn thờ, dưới tấm ảnh đã ngả màu ố vàng của Tư.
Một con bướm từ ngoài vườn lọt qua song cửa sổ bay chấp chới theo chiều uốn lượn của những vòng khói hương đang lan tỏa. Mẹ Tư thì thầm:
- Thằng Tư về đó. Tư ơi, có linh thiêng con hãy xuống đây với mẹ đi con!
Con bướm vàng rập rờn trên mái tóc bạc phơ của bà Sáu rồi nhẹ nhàng đậu trên vai bà.
Ngoài kia, nơi cuối thôn, chuông nhà thờ đổ một hồi dài. Xóm làng tĩnh lặng, tiếng chuông ngân vang rất xa.
Ngày 29-12-1995

**Nguyễn Trường**

Thiên Nhãn

**NGƯỜI CỦA HÔM QUA**

Một bữa cu Tý ở ngoài rẫy về nói với mẹ:
- Má, con trông thấy con gì lông lá đen sì, đi bằng hai chân, ghê lắm!
Chị Hai Liên nổi da gà, lại run. Bữa trước chị cuốc đất làm rẫy và đụng phải bộ xương người, chị la hoảng lên ôm lấy chồng. Ngược lại, chồng chị hỏi rối rít, vẻ vui mừng:
- Ở đâu, chỗ nào?
Chị nói không ra hơi.
- Chỗ kia, em cuốc phải một cái đầu lâu, thôi, anh cho em về. Em hết còn làm nổi nữa rồi.
Hai Đô động viên vợ:
- Em đừng sợ, xương người thì có gì phải sợ. Đâu, để anh lại coi sao.
Chị nắm chặt tay anh:
- Bỏ đi anh. Bỏ cái rẫy này đi, ta khai hoang chỗ khác.
Hai Đô gỡ tay vợ,bước đến bên bộ hài cốt. Anh lẩm bẩm: chỗ này là căn hầm bên gốc cây bằng lăng cụt ngọn, à đúng rồi, cái sọ to như thế là của thằng Chánh rồi, hắn có cái đầu sư tử mà. Hai Đô rưng rưng. Chánh tiếu lâm đây. Lúc nào hắn cũng nghĩ ra được một chuyện tiếu lâm làm cả tổ cười bò… Còn đây, đôi dép cao su. Hai Đô xỏ chân vào "Ôi dép to quá. Đúng dép của thàng Chánh rồi"… Mắt Hai Đô cay cay. Anh lấy áo ny lông bó bộ hài cốt và vác lên vai, đi về phía Liên. Chị vợ tái mặt la lên:
- Trời ơi, bỏ ngay đi!
Hai Đô:
- Đây là đồng đội anh.
Chị Hai vẫn run rẩy:
- Em sợ lắm.
Hai Đô hiểu, vợ anh vốn nhát. Anh để bộ hài cốt xuống đất nói:
- Thôi, để anh đưa em về.
Đưa vợ về nhà. Hai Đô lại tức tốc trở lên rẫy. Anh đưa bộ hài cốt về quả đồi sau nhà chôn cất cẩn thận. Từ bữa đó Hai Đô trở thành người khác hẳn, làm chị Hai Liên nhìn anh với cái nhìn là lạ. Trời ơi, anh rủ mình lên đây đi khai hoang, lập nghiệp, mà có phải đâu. Hình như ma đã làm anh ấy lú lẫn hết rồi. Suốt ngày anh đi đào bới tìm xương người. Liên ôm mặt khóc. Một đêm, chị nằm mơ thấy những bộ xương người, cái đầu lâu với hai hố mắt sâu hun hút, cái miệng đầy răng trắng nhởn cười với chị. Chị hét lên, bừng tỉnh. Hai Đô ôm lấy vợ:
- Gì mà em hét dữ vậy?
- Em mơ thấy ma.
Chợt chị thấy bàn tay anh lạnh giá. Đôi bàn tay này thường cầm vào xương người, chị rùng mình gỡ tay chồng, ôm chặt lấy thằng Tý. Tiếng con gì đang kêu quanh nhà "oa oa oa…" như tiếng trẻ con khóc. Ôi! Ma, ma rồi, người chị lạnh toát. May mà có thằng Tý. Chị cứ ôm chặt lấy nó. Nhiều đêm như vậy, chị không cho anh đụng đến người chị vì bàn tay lạnh toát của anh. Chị không còn chút hứng thú gì khi anh đụng vào người chị.
Hôm nay chị nói với chồng về việc nhìn thấy một bóng ma giữa ban ngày. Chị khóc:
- Về quê đi anh. Bỏ tất cả cũng được.
Một bữa, Hai Đô cõng thằng Tý vừa đi vừa nói chuyện. Gần đến nhà, anh thấy đói bụng. Anh nghĩ chắc Liên đã nấu cơm, đang chờ chồng con về ăn. Nhưng khi bước đến cửa, anh ngạc nhiên thấy nhà vắng vẻ, dưới bếp lạnh tanh. Hai Đô thấy mảnh giấy để trên bàn, anh chộp lấy đọc ngay: Anh Đô, em không thể sống ở đây. Em sợ lắm, mà em rủ anh, anh cũng không về. Em biết tính anh, thôi em về một mình. Em chờ anh trở về với em. Hãy tha lỗi cho em".
Hai Đô ngồi phịch xuống ghế, tay chân rã rời. Nước mắt anh trào ra.
\*
\* \*
Hai Đô trở lại nơi mà anh và con đã trông thấy người rừng. Anh lại trông thấy một bóng người lông lá đen sì đang đào bới.
Một lúc, người rừng vác cái bọc gì trên vai, đi về hướng hôm trước anh đã đón lõng. Anh lại bí mật bám theo. Anh nghĩ, lần này người rừng không thể biến đi đâu được nữa vì còn có cái bọc trên lưng... Đến chỗ rừng cây cao rậm, người rừng lại biến mất, cũng đúng chỗ hôm trước. Hai Đô đứng đực ra thở. Không lẽ đó là ma như Cu Tý nói? Không, chung quanh đây phải là căn hầm bí mật, hay một chỗ núp kín đáo… Hai Đô sục vào từng bụi cây, từng chiếc hang, từng gốc cây cổ thụ và phát hiện ra dưới gốc cây to có một cái hốc. Chắc người rừng chui vào đây? Hai Đô nhận ra chiếc bọc của người rừng còn đặt ngay trước cửa. Anh tiến lại và vạch xem. Một chiếc đầu lâu hiện ra. Hai Đô đứng bật dậy. Anh nghĩ không lẽ…
Ngay lúc đó người rừng trở ra. Hai người chạm mặt nhau. Người rừng nhìn Hai Đô chằm chằm. Chợt anh ta đứng nghiêm:
- Báo cáo đại đội trưởng, tôi và đồng chí Tuấn vừa gửi xong bức điện về sư đoàn.
Hai Đô tái mặt, người đối diện với anh là… Chợt anh kêu lên:
- Tư Vĩ! Sao lại ở đây? Cậu còn sống ư? Người rừng ấy tên là Tư Vĩ. Anh ta nói:
- Đại đội trưởng ra lệnh cho em đi tìm thằng Tuấn về. Và em đã đưa nó về đây.
Vừa nói, Tư Vĩ vừa chỉ vào cái bọc xương người. Hai Đô đứng đực ra không hiểu gì cả. Chợt Vĩ nói, giọng xa xôi:
- Thủ trưởng à. Lúc sáng em gặp thủ trưởng… sao giờ này thủ trưởng lạ quá.
Hai Đô rùng mình. Anh đã hiểu. Thì ra Tư Vĩ đang sống trong mơ, sống với thời quá khứ. Cái thời anh còn là đại đội trưởng thông tin. Đơn vị anh đã đóng quân ở đây. Địch phát hiện và đến ném bom. Lúc Hai Đô tỉnh dậy, tất cả đã trở thành bình địa. Anh cũng không còn bình tĩnh để xem có ai còn sống không. Anh chạy, chạy thật xa vùng oanh kích. Và đúng như anh dự đoán, mấy chục phút sau pháo cực nhanh của địch dập xuống xoá sạch tất cả. Ba ngày sau anh mới tìm về đến sư đoàn.
Chiến tranh đang ác liệt, đơn vị đã đi xa, không ai trở về đào bới, tìm hài cốt các liệt sĩ. Ai cũng nghĩ, chắc chắn tất cả đều bị vùi sâu dưới lòng đất.
Sau hoà bình, Hai Đô phục viên, đã nhiều lần anh đề nghị với chính quyền về việc đi tìm hài cốt đồng đội của anh trên đó. Nhưng vì mới giải phóng, người ta còn bận biết bao nhiêu việc nên chưa thể làm theo ý Hai Đô được. Nhưng Hai Đô luôn bị dằn vặt vì cái chết của đồng đội. Phải chi lúc đó anh ở lại, đào bới, tìm kiếm, biết đâu anh đã cứu được một vài người. Vậy mà anh bỏ chạy. Có lúc anh tự biện hộ cho mình, nếu ở lại, anh sẽ phải chết vì đạn pháo kích ấy. Còn ai nhớ những người đã vùi xác nơi này. Đó cũng là lý do vì sao Hai Đô nhất quyết trở lên đây lập nghiệp.
Té ra anh không phải là người cuối cùng còn sống sót. Còn có Tư Vĩ nữa. Tư Vĩ hơn anh. Tư Vĩ đã ở lại. Hai Đô ôm lấy người đồng đội năm xưa:
- Cậu tha tội cho tôi. Tôi là người có lỗi…
- Thủ trưởng nói gì vậy?
Hai Đô siết chặt tay đồng đội:
- Tư Vĩ ơi, tất cả đã chết rồi. Chết thật rồi. Chỉ có tôi và cậu còn sống thôi.
- Buổi trưa, em đưa cho thủ trưởng bức điện tuyệt mật của sư đoàn… -Tư Vĩ nói như trong mơ.
Hai Đô rùng mình. Anh dìu Tư Vĩ ngồi xuống bên gốc cây. Hai người nói chuyện với nhau, nhưng là giữa một người của hiện tại và một người của quá khứ. Có lúc, cũng chính Hai Đô nhập vào vai của Tư Vĩ. Họ trở về với những năm tháng hào hùng và dữ dội ấy.
\*
\* \*
Lúc trận pháo dập xuống đã ngưng, cả một vùng ngổn ngang tơi tả. Đất bị cày xới, đỏ au. Cánh rừng âm u trở nên quạnh quẽ đến ngỡ ngàng. Tất cả nồng mùi khét của thuốc đạn, của thịt người. Tư Vĩ tỉnh dậy. Anh ngơ ngác nhìn… Một chân anh bị thương, máu đỏ tươi. Tư Vĩ tự băng lấy, cố lết đi. Chân nhức nhối nhưng anh cắn răng chịu đựng. Anh đi tìm đồng đội. Xác người không còn nguyên vẹn làm Vĩ kinh sợ. Cố lết đi, Vĩ đụng vào một khuôn mặt kỳ dị, đôi mắt trừng trừng như chiếu tia sáng vào Vĩ làm anh hét lên, rồi ngất đi. Đến chiều, Tư Vĩ tỉnh dậy và lên cơn sốt. Vĩ thấy mình đang trôi trôi về một miền nào đó có phong cảnh thật xinh tươi, thật bình yên. A kia rồi, tụi thằng Thuần, thằng Dần, thằng Quang… đang ngồi bên cỗ tú lơ khơ…
- Chào các ông. Cho mình chơi với.
- Thì ngồi xuống đây - Quang Tồ xích ra nhường chỗ cho Tư Vĩ. Vĩ chộp lấy cỗ bài trộn rồi chia. Dần lên tiếng:
- Chơi bôi nhọ nghen.
- Thì bôi.
Tư Vĩ lấy cái nồi đen sì lật ngược lên, quệt ngón tay, cười ha ha:
- Được lắm! Được lắm.
- Nào, ba, bốn năm.
- Này, bảy, tám chín.
- Này, năm sáu bảy.
- Cái thằng Quang Tồ này, mày có biết tiến lên không. Chơi gì kỳ "zậy".
Quang Tồ cười cười:
- Ồ xin lỗi, xin lỗi.
Vĩ sướng rơn vỗ tay:
- Tao nhất rồi nhé. Tao sẽ quẹt nhọ nồi. Này thằng Tiến, cúi mặt xuống, một bộ râu mọc ngược này nha. Ha ha...
- Ha...Ha...Ha.
Vĩ ôm lấy Quang Tồ, Thuần Hô, và Dần. Cả bốn người, cười mãi.
- Ha Ha Ha...
Tiếng cười của Tư Vĩ nghe rờn rợn bay khắp thung lũng. Tư Vĩ mở mắt, ánh sáng làm anh chói mắt. Anh lẩm bẩm: "Trời sáng rồi à" mình đã ngủ một giấc dài à. Mình phải đi, đi khỏi đây. Thôi đứng dậy mà đi, đi mãi rồi có lúc đến nơi. Ôi sao chân mình to lên thế này, đau quá. Ừ, mình bị thương, phải có thuốc. Nào cố lên. Bò được chứ, không đi thì bò vậy, bò vậy... đau quá. Thứ lá cây có răng cưa đây rồi. À, bác sĩ Nhụy đã có lần chỉ cho ta loại lá này có chất kháng sinh, đắp vào vết thương sẽ mau lành. Ta bị thương đúng không? Thì nhai đắp vào. Lá này đắng quá, đắng chết đi được. Nhưng không sao, thuốc đắng giã tật. Sẽ khỏi thôi...
Mình đói quá. Phải có cái gì ăn nhỉ. Lấy cái gì ăn đây? Mình bò vào bếp vậy. Xuống bếp sẽ có thức ăn. Nhà bếp của ta, nó ở đằng kia. Đằng kia... Phù, mệt quá. Chỗ này là chỗ nào? À rẫy khoai lang. Rẫy khoai tụi mình trồng đây mà. Ăn khoai sống vậy, củ đã lớn rồi, ngon quá, khoai ngon quá, nước của nó mát quá... Ta phải đi tìm anh em về. Ta không thể ở đây một mình. Hầm của tổ mình ở chỗ này. Ta phải đào, đào lên mà tìm. Thế chứ, đào sâu xuống là gặp hầm. À, Thuần Hô, mày không nhận ra tao ư ? Tư Vĩ đây. Mày làm gì mà cứ nhìn tao trừng trừng vậy? Thuần cười :
- Sao tao không nhận ra mày. Chân của mày làm sao thế ?
- Tao có việc gì đâu. Anh em đâu rồi Thuần?
- Họ đang chơi tú lơ khơ trong kia.
- Ta lại đó đi
- Thôi hai đứa mình cùng chơi.
Thằng Thuần này trộn bài thật tuyệt. Nào chơi tú lơ khơ. Thì chơi.
- Ba này.
- Bảy này…
Ôi mỏi cả tay, mày thua rồi nhé. Đưa mặt đây tao bôi nhọ nồi. A ha, râu hùm nhé. Ha ha, râu quặp nhé - râu quặp là sợ vợ nghe!
Mệt quá rồi, ta phải ngủ thôi. Ngủ, ngủ, ừ thì ngủ…
Tư Vĩ có biết đâu anh đã vẽ khắp mặt xác chết của đồng đội sau trận bom vừa rồi những vệt than đen sì.
Cứ thế trong thời gian dài, Tư Vĩ sống trong tình trạng nửa tỉnh nửa mê. Cũng may những cây khoai mì đơn vị anh trồng dạo nọ bị bom quét, gãy gục vùi trong đất bắt đầu mọc lên "chỉ điểm" cho anh nơi có thực phẩm. Có bữa Tư Vĩ thấy má mình lành lạnh, anh mở mắt và giật mình nhận ra một con gấu đang liếm vào mặt mình. Lúc sau con gấu bỏ đi. Một bữa, Tư Vĩ thấy con gấu leo lên cây bằng lăng. Nó dùng bàn tay lông lá thọc vào hốc cây. Loài cây này thường rỗng ruột ong mật hay làm tổ trong đó. Bầy ong túa ra. Con gấu dùng tay khoẻ mạnh xé đánh toạc. Cây bằng lăng bị rách một đường dài…. Con gấu say mật té xuống và nằm im như chết. Tư Vĩ cầm dao găm xông đến đâm túi bụi vào con gấu. Tư Vĩ giết chết con gấu. Anh cũng chiếm được ngôi nhà gấu. Hốc cây khá rộng, lại ấm cúng. Thế là Tư Vĩ có nhà.
Tư Vĩ không thể nhớ được mình đã ở đây bao lâu. Hàng ngày, anh ăn tạm một củ khoai mì rồi xách xẻng đi đào bới tìm đồng đội. Anh đào được hài cốt, mang đi chôn. Nhưng hôm sau, anh lại đào những bộ hài cốt ấy lên chôn sang chỗ khác. Tư Vĩ cứ đào rồi lại chôn, không biết bao nhiêu lần như thế. Tiếp xúc với hài cốt đã nhiều, đến nỗi anh có thể nhận ra từng người bằng những khúc xương của người đó. Này là Quang Tồ có cái đầu to như đầu sư tử, bởi vậy sọ não cũng lớn. Tư Vĩ thấy anh em đồng đội trở về với mình. Buổi sáng, sau hồi còi rú lên, mọi người chạy ra sân tập thể dục, anh nuôi chia cơm. Đồng đội anh ngồi quây quần bên mâm cơm. Cơm xong ai vào việc nấy. Những cần ma-níp lại rung lên những âm thanh tạch tạch tè tè. Rồi buổi tối, lại quây quần bên những cỗ bài. Tư Vĩ tham gia với anh em. Tư Vĩ chạy hết chỗ này đến chỗ khác. Chỗ nào anh cũng đứng lại tham gia vài câu chuyện. Anh cứ sống với những người đồng đội của anh trong một tâm thế như vậy.
Bây giờ, Tư Vĩ gặp Hai Đô, người đại đội trưởng của anh. Tư Vĩ không hiểu vì sao Hai Dô già đi, khác đi so với đại đội trưởng sáng nay anh vừa nhận lệnh. Còn Hai Đô, anh đã hiểu. Anh nói với Tư Vĩ :
- Tôi đã phục viên rồi, đã có vợ có con, và tôi đưa con lên đây lập nghiệp. Nhà tôi ở dưới kia.
Tư Vĩ ngơ ngác không hiểu gì cả. Hai Đô đành nói :
- Đồng chí Vĩ. Đại đội trưởng ra lệnh cho đồng chí đi theo tôi.
Tư Vĩ đứng nghiêm :
- Xin chấp hành!
Hai Đô đưa Tư Vĩ về nhà. Thằng Tý chạy ra kêu lên :
Trời ơi, người rừng, sao ba đưa người rừng về nhà?
Hai Đô nói với con:
- Đó là chú Tư Vĩ đồng đội của ba năm xưa. Con về lấy quần áo của ba cho chú Tư thay.
Từ bữa đó, Hai Đô giữ Tư Vĩ ở lại nhà mình. Tư Vĩ vẫn cứ ngơ ngơ ngác ngác, nói chuyện với anh như đang ở đơn vị năm xưa.
 \*
\* \*
Câu chuyện trên xảy ra đã lâu, từ sau ngày hoà bình. Còn bây giờ, cái làng Kim Long của Hai Đô đã trở nên đông vui. Hai Đô ăn nên làm ra đã cuốn hút nhiều người ở quê anh lên lập nghiệp. Bây giờ nhà nào cũng có một vùng đất trồng cà phê, tiêu… Mỗi năm thu hoạch cả chục cây vàng. Vợ Hai Đô đã trở lại với anh và chị không còn sợ ma nữa. Họ đã có thêm một đứa con. Chỉ có Tư Vĩ là vẫn như xưa. Anh sống với những đồng đội của anh. Anh ngơ ngơ ngác ngác không hiểu tivi, karaokê, là gì. Mà quanh vùng đã mọc lên đủ những trò ăn chơi kỳ lạ. Một cuộc sống sôi sục đang cuốn mọi người theo. Đến nỗi Hai Đô nhìn Tư Vĩ bằng con mắt ái ngại. Anh đã dành nhiều thời gian nói chuyện với Tư Vĩ, cố gắng gợi cho Tư Vĩ nhớ lại, và dạo gần đây anh vui mừng vì Tư Vĩ đã đỡ hơn nhiều. Nhưng bác sĩ nói, để chữa khỏi hẳn bệnh cho Tư Vĩ cần phải có thời gian và sự kiên trì. Chỉ có vợ anh là người không còn kiên trì được nữa. Chị không thể nuôi báo cô một người dở điên dở dại như thế ở trong nhà mãi được.
Một bữa, Tư Vĩ ở ngoài nghĩa địa trở về. Anh nghe tiếng vợ Hai Đô rầy la chồng:
- Anh trả cái ông Vĩ ấy cho gia đình người ta nuôi. Ông ấy có họ hàng, rồi còn có chính sách của Nhà nước nữa chớ!
Tiếng Hai Đô:
- Nhưng anh ấy không còn ai thân thích. Hãy để anh ấy hết bệnh cái đã.
Không may cho Tư Vĩ , đó lại là những lời đầu tiên anh nghe và hiểu được. Anh đã tỉnh cơn mê. Anh nhận biết tất cả. Và hôm sau anh bỏ nhà ra đi. Từ đó người ta không còn thấy bóng Tư Vĩ đâu nữa. Còn Hai Đô, may mắn cho anh vì anh không biết bạn mình đã tỉnh, đã nghe được những lời lăng mạ của vợ anh. Không thấy Tư Vĩ trở về, anh cho rằng bạn lại lên cơn và chạy vào rừng rồi. Từ đó, anh lại bắt đầu một cuộc tìm kiếm mới…. Lần này, vợ anh lại nghĩ rằng chính chồng mình lại bắt đầu lâm bệnh.

**Nguyễn Trường**

Thiên Nhãn

**CHUYỆN CUỘC ĐỜI**

Chiếc xe đò kéo lên một hồi còi dài, gắng sức vượt qua con dốc đầu cầu. Tiếng máy nổ nặng nề làm cho ông Tam tỉnh giấc ngủ, đưa mắt nhìn ra ngoài xe. A, đã đến sông Đồng Nai rồi, chẳng mấy chốc nữa là sẽ về đến nhà. Nghĩ tới lúc gặp lại Cúc, ông Tam lại bồi hồi. Chắc bây giờ Cúc vẫn chờ ông, vẫn chung thuỷ với ông dù ông đã phụ bạc nàng. Trong tâm trí ông, Cúc vẫn là người đàn bà đẹp, trẻ trung, duyên dáng và rất biết chiều chồng. Ông Tam biết mình khó mà tìm được người đàn bà giỏi giang rất mực thương chồng, thuỷ chung như Cúc. Những ngày tháng vợ chồng ông sống chung với nhau đó thật đẹp. Ông vẫn hình dung thấy trước mắt mình thân thể Cúc. Một người đàn bà thon thả, trắng trẻo.
Nhưng cái chính là giữa ông và Cúc đã gắn bó với nhau, hoà hợp với nhau bằng một tình cảm mà đến giờ ông cũng không giải thích nổi đó là tình cảm gì, nhưng nó tha thiết, ngọt ngào và thiêng liêng nữa. Ông Tam mơ màng nhớ lại ngày cưới Cúc. Nàng là hoa khôi của xã Mỹ Bình. Hồi đó, ông nghĩ cưới được nàng là may lắm rồi, cho dù nàng không còn nguyên vẹn là người con gái cũng được.
Đêm động phòng hoa chúc, Tam lại bị bất ngờ. Cúc còn trong trắng. Cúc, vợ anh như thế, càng làm cho anh yêu vợ bội phần.
Tam thích món canh chua cá hú do Cúc nấu bằng rau cần tây, đậu bắp, cùng con cá hú với chiếc lườn đầy mỡ béo ngậy, mới trông nước miếng đã túa ra đầøu lưỡi. Lâu lâu Cúc lại nấu một nồi canh chua như thế và bữa đó Tam ăn đến no nê. Ăn xong Tam thường ngồi xỉa răng chờ Cúc dọn bàn, nói đùa:
- Canh chua thua nước mắm.
Cúc nguýt Tam:
- Vậy hôm sau em chỉ làm nước mắm cho anh ăn nghe.
Tam nhìn vợ cười hì hì. Mãi sau này Tam mới kể cho Cúc nghe thế nào là canh chua thua nước mắm. Nhà nọ mỗi khi chồng đi xa về chị vợ lại nấu canh chua thật ngon cho chồng ăn. Người chồng ăn no nên tối ngủ khì. Một bữa giận chồng chị chỉ dọn lên cho chồng chén nước mắm. Người chồng ăn không ngon nên ăn được ít, đêm đói, trằn trọc không ngủ được, thức sáng đêm với vợ. Từ đó người vợ rút ra kinh nghiệm, canh chua thua nước mắm. Nghe Tam kể, Cúc cười đấm vào vai chồng "vậy là từ trước tới nay em dại quá. Thôi từ nay em cho anh ăn toàn nước mắm". Tam cười: "Đó là vợ chồng người ta xa nhau lâu ngày mới gặp lại, còn anh ngày nào chả ở bên em". Vậy mà Tam cũng không ngờ rằng mình lại xa Cúc, đến với những bữa cơm tập thể chán ngắt. Số là xã Tam xây trạm xá. Tam được cử đi học lớp y tá một thời gian rồi về làm việc tại trạm xá xã. Cúc cũng quen dần với những đêm Tam đi trực. Một bữa Cúc nghe bạn gái kể thấy Tam và nữ y sĩ Luyến thì thầm với nhau trong phòng kín cả giờ đồâng hồ. Cúc nghe, tái mặt. Chị cũng thấy lạ sao dạo này Tam hay đi trực đêm không về. Còn Tam mỗi bữa đi trực về bao giờ Cúc cũng nấu nồi canh chua cá hú cho anh. Cúc vẫn hiền dịu, vẫn chăm chút cho chồng. Đôi lúc Tam thấy ân hận về việc mình phản bội vợ. Luyến không đẹp bằng Cúc. Luyến đã có một đời chồng. Nhưng họ đã ly dị nhau. Ở Luyến, Tam tìm thấy nỗi đam mê tình dục lúc nào cũng rừng rực cháy. Một bữa Luyến báo cho Tam biết minh đã có thai. Tam toát mồ hôi. Anh hỏi Luyến: "Sao em không kế hoạch, em là y sĩ thì khó gì việc đó?" Luyến nói : "Em muốn có con với anh". Tam năn nỉ bao nhiêu lần Luyến vẫn không đi phá thai. Đến tháng thứ tư, hai người không giấu được ai nữa đành dắt nhau trốn lên Long Khánh. Họ làm ngôi nhà nhỏ, cuốc đất làm rẫy và sống với nhau trên đó. Luyến hài lòng có được Tam và toàn quyền bên chồng. Còn Tam ra đi thật bất đắc dĩ. Nhớ nàng, anh viện lý do trốn về thăm Cúc. Sau gần một năm xa vợ, Tam những tưởng Cúc đã có chồng, đã… Nhưng Cúc vẫn chung thuỷ chờ Tam. Nàng vẫn giặt quần áo cho chồng. Trong bữa ăn, Tam lại đùa "chà chà, em lại cho anh ăn canh chua cá hú hen, canh chua thua nước mắm" . Cúc tủm tỉm cười. "Vậy em cho anh ăn nước mắm thôi nghe". Tam cười mường tượng tới lúc ẵm vợ lên giường, làm sao Tam có thể quên được những giờ phút hai người quấn quýt lấy nhau. Cúc mới thật là một người đàn bà và anh yêu Cúc biết bao. Có lúc Tam giận mình nghĩ thầm, không hiểu vì sao Cúc tuyệt vời như thế mà ta lại bỏ nàng, đi theo người đàn bà đã có một đời chồng và hơn ta những bốn tuổi?
Thật bất ngờ đối với Tam, đến tối Cúc bảo anh hãy đến nhà bà con mà ngủ. Tam dài mặt rên rỉ, song Cúc một mực bảo rằng bao giờ Tam bỏ vợ nhỏ về ở hẳn với Cúc, nàng mới chấp nhận cho Tam ngủ chung. Cúc một mực nói với Tam như thế suốt mấy chục năm qua mỗi lần Tam trốn Luyến về thăm nàng. Càng yêu Cúc bao nhiêu Tam càng hắt hủi Luyến bấy nhiêu. Nhưng Tam không thể bỏ Luyến mà về ở hẳn với Cúc vì Luyến quá dữ dằn. Nhiều lần ý muốn bỏ Luyến trở đi trở lại dằn vặt Tam, nhưng rồi không lần nào Tam thực hiện được. Cho đến lúc Luyến chết, Tam mới thấy thương Luyến, tội nghiệp cho Luyến. Luyến chết sớm một phần cũng vì Tam hắt hủi nàng.
Tam thở dài nhìn ra ngoài cửa sổ xe, đã về tới quê hương rồi. Dù sao bây giờ Tam cũng được tự do, cái tự do muộn màng, nhưng dẫu có còn hơn không. Bây giờ Tam trở về với Cúc. Ông biết Cúc vẫn còn chờ ông, chung thuỷ với ông. Và bây giờ Cúc sẽ chấp nhận ông. Tam lại mơ tưởng đến Cúc. Cái ngọt ngào ấy sau hai chục năm trời Tam mới có thể sẽ được hưởng. Ôi khi Tam báo tin Luyến đã chết, Tam được tự do, Cúc sẽ vui hay buồn!
Tam bồi hồi trên mỗi bước chân dọc đường trở về với Cúc. Nhà nàng kia rồi. Ôi ngôi nhà nhỏ ấm cúng, ở đó ta đã sống một thời gian vô cùng hạnh phúc! Chỉ đến khi ta bỏ Cúc đi theo Luyến ta mới nhận ra điều đó. Hạnh phúc đẹp là hạnh phúc lúc ta không còn có nó nữa.
Cúc đón Tam vui vẻ, vẫn như thuở nào, lại nồi canh chua cá hú, lại những cử chỉ ân cần. Và Tam ăn xong xúc động nắm lấy tay Cúc, rưng rưng báo tin :
- Hôm nay anh về hẳn với em. Luyến đã chết rồi. Anh là người tự do rồi. Em chấp nhận anh ở lại đây với em chứ?
- Luyến đã chết rồi. Bà ấy đã chết…?
- Chết rồi - Tam xác nhận, cũng hơi bùi ngùi.
Chợt Tam thấy ánh mắt Cúc. Ánh mắt ấy lạ lắm, không phải nàng vui, cũng không phải buồn, dường như… Rồi Tam thấy Cúc ngồi thõng xuống, toàn thân mềm đi, như một quả bóng bơm căng chợt xì hết hơi. Tam vội đỡ lấy Cúc, nhưng nàng đã kịp gạt tay Tam ra khỏi người mình. Nàng nói giọng yếu ớt nhưng hết sức cương quyết :
- Ông Tam, ông đi khỏi nhà tôi ngay. Tình nghĩa giữa ông và tôi đã hết, hết lâu rồi.
Tam bàng hoàng.
- Em Cúc. Em từng nói, em chấp nhận anh khi nào anh về ở hẳn với em. Và bây giờ…
Cúc lạnh lùng:
- Ông tưởng tôi còn yêu ông sao. Không, đã hết yêu ông từ khi ông phản bội tôi. Sở dĩ tôi vẫn ân cần với ông là vì tôi biết ông còn yêu thương tôi. Thế là tôi trả thù được Luyến. Hắn có chồng cũng như không. Đúng vậy không? Ông đã hành hạ hắn cho đến chết, đúng vậy không ông Tam.
Tam tái mặt lùi lại. Thì ra, tất cả những ngọt ngào Cúc dành cho ông hơn hai chục năm qua là đóng kịch. Trong vở kịch ấy Cúc đã thành công. Người đàn bà này ghê gớm thật. Tam thấy mình choáng váng vì cú sốc bất ngờ. Một lúc thâït lâu Tam mới uể oải ngồi dậy. Ông chậm rãi nói với Cúc:
- Em trả thù ghê gớm thật. Nhưng em nhìn lại mình xem. Tóc đã bạc rồi. Chỉ nghĩ đến mục đích em đã quên cả bản thân mình…
Cúc ngồi ngẩn ra một lúc rồi chợt ôm mặt khóc nấc lên.

**Nguyễn Trường**

Thiên Nhãn

**SAU CUỘC CHIẾN**

Nam loạng choạng đứng dậy, rờ rẫm mãi mới bước ra được cửa xe, người phụ xế phải giúp anh và gần như nâng bổng anh lên đặt xuống vệ đường, rồi chiếc xe phóng đi để Nam ngồi lại một mình. Nam bỗng thấy lòng chùng xuống. Một nỗi buồn da diết xâm chiếm… Quê hương anh đây ư? Cánh rừng rậm rạp xanh tươi xưa, nay chỉ còn trơ lại những quả đồi đỏ quạch, chang chang nắng. Hơn chục năm ở chiến trường, Nam không bị vết thương nào dù anh đã tham gia hàng trăm trận đánh dữ dội, được phong cấp tiểu đoàn trưởng ngay trận địa. Nhưng anh lại mang một căn bệnh quái ác: đục thuỷ tinh thể. Một mắt trái của anh có điểm đen nơi con ngươi cứ dần dần trắng bệch ra rồi không nhìn thấy gì nữa. Con ngươi bên phải cũng bị như thế, nhưng nhẹ hơn. Cho đến ngày chỉ huy đơn vị đánh vào Sài Gòn, anh vẫn còn nhìn thấy cảnh vật. Vậy mà có nửa tháng, tình hình đã tồi tệ hơn, anh nhìn đâu cũng thấy một làn sương che phủ.
Nắng chói chang làm cho Nam thấy đầu nhức ê ẩm, anh phải cố gắng ngồi dậy, xốc lại ba lô, tìm đường về nhà. Mỏi chân, Nam ghé vào một ngôi nhà mới cất ven đường. Vừa vào đến cửa, vật đập vào mắt anh đầu tiên là trên tường gắn chiếc đầu trâu, nét tạo dáng của đôi sừng quen thuộc làm Nam sững sờ "Con Nhất Đẳng". Anh ào lại vuốt ve đôi sừng cong từng một thời kiêu dũng, nghẹn ngào: Trâu ơi, mày đã chết rồi ư? Ừ, kể ra mười mấy năm trời, mày phải già phải chết, đó là lẽ thường tình của tạo hoá, nhưng tao vẫn thấy bất ngờ vì khi trở về không còn mày nữa.
- Nam phải không? Tiếng ông già làm Nam giật mình ngẩng lên: ông già run run đưa tay cho Nam. Tóc râu ông bạc trắng, người đã quá yếu rồi. Nam linh cảm ông già chỉ còn sống được một thời gian ngắn nữa. Ôi thời gian! Ngày xưa ông là người xông xáo, vui tính. Cả làng chỉ ông có chiếc đài bán dẫn to tướng. Buổi tối, bà con thường kéo đến nhà ông ngồi chật trong nhà lẫn ngoài sân nghe tin thời sự. Ông nắm rành rọt tin trong nước, thỉnh thoảng lại giảng giải cho mọi người nghe. Bà con thường gọi ông là "ông Song thời sự". Ngày Nam đi bộ đội, con trâu mà suốt tuổi thơ anh chăn dắt trao lại cho thằng Sáu, con trai út của ông nuôi.
\*
\* \*
Sau này, mỗi khi sắp bước vào một trận đánh mới hay nằm trên chốt chờ một đợt phản kích của quân giặc, Nam hay nhớ về bãi Nga, bãi cỏ rộng dưới chân núi Nga, nơi giáp ranh giữa làng Chế và làng Thạch. Hàng ngày bọn trẻ cùng lứa tuổi với Nam, sau khi thả trâu ra bãi cỏ, lại xúm xít nhau, bày đủ thứ đồ chơi. Anh nhớ con Nhất đẳng một thời đã chăn dắt. Nhớ nhất trận tranh hùng con Nhất đẳng và con Nhị đẳng, một trận đấu mà nhiều năm vẫn còn ám ảnh Nam. Bữa đó Nam vừa thả trâu ra bãi cỏ bỗng thấy con Nhất đẳng lồng lên và kia, con Nhị đẳng ở đâu chạy tới. Nam biết lúc này có trời mới ngăn được chúng không xáp lại với nhau. Con Nhất đẳng, nghênh cao đầu, đôi sừng nhọn nghiêng nghiêng. Con Nhị đẳng cũng ngẩng cao đầu, đầy vẻ thách thức. Rồi như cùng một lúc, hai con trâu xông vào nhau đánh rầm, chúng quặc nhau, gân cốt chúng cuộn lên, đuôi cụp lại, tất cả sức mạnh được huy động, tưởng như bãi Nga và cánh rừng bên cạnh cũng chung chiêng, nghiêng ngả trước sức mạnh hai chàng lực sĩ.
Thằng Nam nhảy lên gò đất cao reo to:
- Cố lên Nhất đẳng, húc lòi ruột nó ra!
Cô bé Mè, chủ của con Nhị đẳng, giậm chân khóc:
- Các người hãy can nó ra, nó húc chết trâu của hợp tác xã.
Không một người lớn nào có mặt để làm việc đó. Lũ trẻ thích chí reo hò. Phần đông chúng ủng hộ cho con Nhất đẳng. Từ lâu con Nhất đẳng trở thành niềm tự hào của lũ trẻ chăn trâu làng Chế. Con trâu không những loại hết cả trăm con trâu trong làng mà còn chiến thắng tất cả những con trâu của làng Thạch, một làng lớn có nhiều trâu khoẻ. Trẻ con làng Chế vốn ghét trẻ con làng Thạch, nguyên do từ chỗ cả hai làng cùng chung một ngọn núi, ngay cả đến địa giới hành chính của địa phương cũng chưa dứt khoát khẳng định núi Nga thuộc địa phận làng nào. Lũ trẻ hai làng đều thích núi Nga, bởi về mùa đông, ngồi ở phía nam tránh được gió đông bắc, một nơi ấm áp, có nhiều khoảng đất phẳng cho chúng tập võ. Hơn thế nữa, dưới chân núi Nga có bãi đất rộng mênh mông nhiều cỏ non, thả trâu ở đó thì tuyệt, chúng có thể chơi đến tối cũng không phải nhìn đến trâu.
Nhiều lúc thằng Nam ca ông ổng "Ai bảo chăn trâu là khổ". Đúng là chăn trâu thích thật. Những ngày mùa trâu phải đi cày bừa thì cậu buồn lắm. Cậu nhớ những buổi cùng bạn bè khoét bếp Hoàng Cầm, kiếm phân bò khô xếp lên làm than, phân bò khô cháy lâu tàn, bốc mùi khen khét quen quen rất dễ chịu. Lũ trẻ quây quần bên lò sưởi, hơ bàn tay lạnh cóng lên lớp than hồng. Có bữa Nam kiếm được mấy củ khoai, lùi vào bếp, khoai chín, cậu chia khoai cho lũ bạn, vừa bóc vừa thổi phù phù, cắn ngấu nghiến thật ngon lành. Cái hương vị thơm ngon của khoai, có cả hơi khen khét của cứt trâu khô đã cháy làm Nam nhớ mãi. Nhất là lúc ngửi thấy mùi khen khét của lửa cháy sau một trận pháo kích làm Nam nôn nao nhớ về tuổi thơ của mình.
Sau khi thả trâu gặm cỏ, bọn trẻ lại xúm xít quanh Nam học võ. Nam được người chú là bộ đội đặc công về phục viên dạy cho cậu nhiều thế võ. Và Nam đã tập hợp lũ trẻ dạy cho chúng những miếng võ cậu học được. Từ đó lũ trẻ đã đặt cho những con trâu dũng mãnh trong làng theo đẳng cấp con nhà võ. Nói đến con Nhị đẳng là chúng biết con trâu nào. Ảnh hưởng này còn lan cả sang người lớn và họ phì cười khi thấy nó hay hay.
Con Nhị đẳng lúc đầu chỉ là con nghé tròn lẳn, bốn chân đậm chắc, hiếu động. Người ta thấy nó đẹp, tốt giống nên không thiến, giữ lại để phối giống và chuẩn bị thay cho trâu giống nhà ông Táu đã quá già nua. Con nghé lớn dần, ngày càng trở nên dũng mãnh. Nó đã loại được nhiều con trâu to khoẻ và được lũ trẻ phong cấp dần cho đến Nhị đẳng.
Liên tục chiến thắng, con Nhị đẳng có vẻ trở nên kiêu căng. Trước đây nó không dám bén mảng tới bãi Nga. Chỉ riêng con Nhị đẳng không được lai vãng đến khu vực này. Những con bị thiến trở nên căm thù con chưa thiến, gặp bất kỳ ở đâu là chúng xông lại húc nhau thừa sống thiếu chết. Những người chăn hai con trâu trên phải cho chúng gặm cỏ ở một cánh đồng khác, xa hẳn thế giới trâu trong làng. Nhưng con trâu để giống này lại rất thích đến gần bầy trâu cái. Hễ sơ sẩy là nó mò về bãi Nga và thỉnh thoảng cuộc chiến nảy lửa lại xảy ra.
Con Nhất đẳng được cai quản cả một "vương quốc" gồm nửa trăm trâu cái, nhiều lúc cũng muốn chứng tỏ mình là một gã "đàn ông" thực thụ, cũng âu yếm "các em" nịnh bợ "các em" và có lúc hứng chí nhảy phắt lên lưng "các em". Nhưng dù cố gắng đến đâu, đã là "hoạn quan" cậu cũng đành bất lực, không làm tròn chức năng một con đực. Những lúc như thế cậu cáu lắm. Nhưng cậu không hiểu vì đâu cậu vướng vào hoàn cảnh trái ngang đó.
Lại nữa, các ả trâu cái quẩn quanh cậu, chúng cảm mến vẻ hùng dũng của cậu thật, nhưng thấy cậu chẳng "làm ăn" được gì cũng lẻn đi tình tự với gã "Nhị đẳng". Thế có buồn không! Lúc này con Nhị đẳng cũng chưa chịu con Nhất đẳng. Nếu nó thắng được con Nhất đẳng hôm nay nghĩa là nó nghiễm nhiên trở về cai quản bãi Nga với giang sơn riêng, với vô khối "mỹ nữ cung tần". Không còn khát vọng nào hơn là phải chiến thắng. Nó có cặp sừng ngắn hơn con Nhất đẳng, cặp sừng chưa kịp nhọn để trở thành một con trâu thực thụ, nhưng bù lại, cặp sừng của nó khá đậm, như hai bắp măng khổng lồ. Trong chiến đấu, nó dùng sức mạnh là chính, sức mạnh của tuổi trẻ, càng chiến đấu nó càng hăng hái, dẻo dai. Nãy giờ nó bị con Nhất đẳng khoá sừng và nó đã khéo léo gỡ ra được, đồng thời lùi lại, lao đánh rầm vào cặp sừng dài của đối phương làm Nam và lũ trẻ đứng tim, tưởng như cặp sừng của con Nhất đẳng phải gãy làm đôi. Nhưng con Nhất đẳng tỏ ra là đối thủ đầy bản lĩnh, nó nghiêng đầu rồi dùng thế sừng dài ngoắc vào cổ của con Nhị đẳng hất mạnh một cái, cày đường dài trên cổ đối phương. Con Nhị đẳng lăïng đi một giây rồi lại xông vô đối thủ, dùng sức mạnh đẩy đối phương lùi lại. Hai con vật tiến rồi lại lùi, đất dưới chân chúng bị cày xới tung lên, bụi bay mù mịt. Tiếng va sừng chan chát, tiếng hai con trâu thở phì. Bỗng con Nhị đẳng lồng lên dùng sức mạnh đẩy con Nhất đẳng lùi một đoạn dài và bất ngờ con Nhất đẳng ngã nhào xuống chiếc mương đầy sình lầy. Con Nhị đẳng thừa cơ đứng trên bờ cứ nhằm bụng đối phương húc tung lên. Thường trâu chọi nhau, sừng đối sừng, cũng như người đấu kiếm, đối kiếm. Con Nhất đẳng lâm vào thế không còn "kiếm" và dũng mãnh đến đâu cũng khó lòng tránh khỏi cái chết.
Thằng Nam đau đớn, muốn xông vào đánh đuổi con Nhị đẳng để cứu con trâu nhà nó. Nhưng nó vẫn đứng bất động, mặt cực kỳ căng thẳng. Nó vươn về phía trước như muốn lao vào trợ chiến. Nhưng rồi nó phân vân, con Nhất đẳng vốn là vô địch, nỡ nào lại bại trận một cách nhục nhã như thế. Có ai giữ mãi được chức vô địch của mình. Ôi cái chức vô địch, mới khắc nghiệt làm sao! Không, Nhất đẳng ơi, hãy cố gắng lên, hãy cố gắng lên xứng danh một Nhất đẳng bách chiến bách thắng - thằng Nam hét khản cả cổ.
\*
\* \*
Sau này, khi bị địch phản kích, nhiều lúc đơn vị lâm vào thế nguy, Nam lại nhớ về cái giây phút hiểm nghèo của con Nhất đẳng sắp đi vào cõi chết và rồi anh chỉ huy đồng đội trụ lại chiến đấu đến cùng, giữ vững được trận địa. Có lần đơn vị phải trả giá quá đắt. Đến nỗi, lúc được lệnh rời khỏi chốt, mũi rút quân của anh chỉ còn có một phần tư quân số. Lúc xuống đến chân núi lại đụng địch và họ đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Nam phải tự mở lấy vòng vây, trong lúc ấy trong tay Nam chỉ còn lại con dao găm. Đêm ấy anh mò xuống sát địch. Một tên lính đang bồng súng đứng gác bên tảng đá. Nam nhảy xuống thọc dao găm vào bụng nó, anh chỉ nghe cái phập và nhạân ra thịt người sao mềm thế, chỉ khẽ đâm đã lút cán. Nam xoay con dao nạo một đường vòng tròn. Anh thấy nó hự lên một tiếng rồi chết ngay. Nhanh như con mèo, Nam nhảy qua xác nó và lại một thằng nữa nát bấy bộ lòng vì cú nạo dao găm của Nam. Gần sáng, hơn chục tên địch bị Nam giết như thế. Mặt mũi, tay chân Nam bê bết máu. Máu cay cay trên mắt, máu mằn mặn trên môi. Anh thò tay vào lỗ mũi cũng lôi ra được cục máu. Khi thoát khỏi vòng vây, Nam nằm ra một tảng đá, mệt mỏi thiếp đi. Trong mơ Nam lại thấy núi Nga, bọn trẻ con làng Chế học võ trên đó và phía dưới chân núi, trẻ con làng Thạch kéo đến. Thằng dẫn đầu cưỡi trên lưng con trâu đực mạnh nhất. Nam đứng trên tảng đá bắc loa tay gọi:
- Bọn kia, chúng bây muốn gì?
Thằng cưỡi trâu là tướng chỉ huy, hét to:
- Muốn chúng bây cút đi, trả ngọn núi này cho chúng tao.
Thằng Nam quát:
- Bọn bây chơi không quân tử. Đã ký "hiệp định" rồi, ai thắng chọi trâu thì cai quản núi Nga.
- Không nói lôi thôi. Chúng tao đến chiếm núi Nga đó, bọn bây làm gì được thì làm - thằng chỉ huy phía làng Thạch lại trắng trợn trả lời. Nói xong tụi nó phẩy tay hô to:
- Tiến lên!
Lũ trẻ làng Thạch dàn hàng ngang, nấp vào các tảng đá vừa tiến lên vừa ném đá vèo vèo về phía Nam. Nam chỉ huy lũ trẻ ném đá chống trả. Rồi Nam cưỡi lên lưng con Nhất đẳng trông uy nghi như cưỡi trên lưng con voi ra trận. Con Nhất đẳng xông thẳng vào đối phương, dùng cặp sừng hất văng những miếng đá bay tới tấp vào đầu nó, xông đến con Nhất đẳng của địch quân, chỉ vài phút chạm sừng, con trâu của làng Thạch đã phải bỏ chạy. Lũ trẻ của làng Thạch bị quân của Nam bao vây, sợ khiếp vía mạnh đứa nào đứa đó chạy. Nam thúc trâu càn lên quân địch, đuổi theo sát con trâu của đối phương, đồng thời rút súng cao su cặp viên sỏi trắng bắn trúng vào đầu tướng giặc. Thằng địch ôm lấy đầu, máu đỏ hai bàn tay, chảy chan hoà trên chiếc áo đã ngả màu cháu lòng của nó. Ôi máu nhiều quá! Cả chiến trường bãi Nga toàn có máu! Nam hét lên và bừng tỉnh. Đôi mắt Nam rát, giàn giụa nước, một lúc lâu anh giật mình nhìn thấy dưới ánh nắng chan hoà của buổi sáng, quần áo anh nhuộm đỏ những máu. Chúng bốc lên mùi nồng nồng, tanh tanh làm Nam nôn thốc nôn tháo. Máu người có gì lạ lắm làm Nam luôn bị ám ảnh. Nó khác hẳn máu của con Nhị đẳng đã đổ chan hoà trên khúc mương lầy lội trong trận quyết chiến với con Nhất đẳng nhà anh.
Lúc con Nhất đẳng bị đẩy xuống sình lầy, dù bị vướng bùn, bị húc đau nhói nhưng nó vẫn bình tĩnh lùi xa đần đối phương, nhử đối phương cùng xuống nước với nó. Đã đánh nhau thì cả hai cùng xuống nước đánh nhau. Và con Nhị đẳng đã mắc mưu, nó quá ham tiêu diệt dứt điểm đối phương. Cũng tại con Nhị đẳng còn trẻ. Tuổi trẻ thường bồng bột, thiếu kinh nghiệm. Nó bất ngờ thấy sình lầy quấn lấy chân nó làm nó xoay trở khó khăn hơn. Con Nhất đẳng đã lấy lại thế cân bằng, dùng cặp sừng dài khoá chặt đối phương, dìm đầu địch thủ xuống nước, cả hai con cùng ngạt thở, cùng thở sùng sục dưới nước. Thằng Nam nhảy cẫng lên reo hò khi thấy con trâu nhà nó đang chiếm thế thượng phong. Con Nhất đẳng phần vì cao lớn hơn đối phương, phần vì nó đứng tuổi có nhiều kinh nghiệm, nhất là kinh nghiệm của những buổi đi cày dưới sình lầy. Nó đã ép được con Nhị đẳng vào bờ mương và với đôi sừng dài, đôi sừng mà thằng Nam đã dùng cả buổi chiều vót cho nhọn hoắt, cứ nhè bụng đối phương mà giật những cú thôi sơn. Con Nhị đẳng kêu lên ò ò rồi chổng cả bốn vó lên trời. Máu từ bụng nó phọt ra, tràn đỏ lòm cả một đoạn mương.
- Nhất đẳng chiến thắng rồi!
Lũ trẻ ôm lấy Nam, nhảy cẫng lên reo hò. Thằng Nam cũng hét lên:
- Chiến thắng! Chiến thắng!
Nó nhào đến ôm lấy cái cổ bê bết bùn và máu tươi của con Nhất đẳng. Con trâu hãnh diện ngước cặp mắt nhìn lũ trẻ đang chiêm ngưỡng nó. Nó sung sướng được thằng Nam vuốt ve cái nốt ruồi ở cổ nó, vuốt ve đôi sừng nhọn hoắt của nó. Đôi sừng cũng nhuộm đẫm máu tươi. Nó thè lưỡi liếm liếm lên bàn tay của Nam. Mỗi lần Nam âu yếm nó, nó đều đáp lại bằng cử chỉ như thế. Sau này, khi Nam chia tay con Nhất đẳng để lên đường ra trận, con trâu cũng liếm lên bàn tay anh, thậm chí lên cổ, lên cả mặt anh. Nam cứ để yên cho nó thể hiện tình cảm. Cái cử chỉ thân thiện, cái cảm giác ram ráp êm êm của chiếc lưỡi con Nhất đẳng cứ theo Nam suốt chặng đường anh đi đánh giặc. Hình như nó cũng linh cảm đó cũng là lần chia tay cuối cùng.
Ông Song ngồi xuống bên Nam lấy tay chặm nước mắt, đôi mắt đục lờ của ông hình như lúc nào cũng đầy nước:
- Bữa đó thằng Sáu thả trâu vào núi như mọi khi, đến chiều không thấy trâu về. Mọi người đổ đi tìm. Bác nghĩ hay là nó đụng cọp và bị cọp ăn thịt. Nhưng con trâu to khoẻ với đôi sừng dài nhọn như thế thú rừng làm gì được nó? Nghĩ vậy nhưng vẫn lo. Thời gian gần đây cọp đã tha mất mấy con nghé. Bác và thằng Sáu cơm đùm cơm nắm đi mãi vào rừng sâu, nơi nghe đồn hay có cọp xuất hiện. Đến một khu rừng, bác phát hiện dấu chân trâu, cả dấu chân cọp in trên đất ướt và quanh đó cây con bị giẫm đạp tơi tả. Đến một gốc cây to, bác nhìn thấy con Nhất đẳng. Trời, một con cọp to như con bê đang bị cặp sừng của con Nhất đẳng ghìm chặt vào hốc cây! Đôi mắt con cọp trợn ngược, miệng há ra đỏ lòm, còn dưới bụng nó xổ ra một đống ruột đã bốc mùi hôi thối, lúc nhúc dòi bọ. Máu vung vãi, máu đọng thành vũng, đầy bọ. Nó chết đã ba ngày mà con Nhất đẳng vẫn giữ nguyên tư thế. Hình như nó không hiểu rằng con cọp đã chết. Bác xông lại quất một roi vào mông con Nhất đẳng:
-Thả nó ra!
Con trâu giật mình bỏ con cọp, kêu đánh ò lên một tiếng rồi đổ kềnh ra. Nó đã quá kiệt sức…
Bất giác Nam ngước lên cặp sừng, vẫn vẻ kiêu hãnh, con Nhất đẳng như sắp lao vào trận đấu mới. Anh sửng sốt, đôi mắt ốc nhồi của nó như chợt mở to ra. Nam dụi mắt rùng mình. Từ đôi mắt ấy nhỏ xuống những giọt nước đỏ ròng như máu.

**Nguyễn Trường**

Thiên Nhãn

**VÒNG BẠC ĐỔI MÀU**

Mẹ ơi con đói!
Thằng Lý tỉnh giấc sụt sịt khóc, làm chị Tảo không ngủ được, gắt:
- Có im đi cho anh chị mày ngủ không.
Thằng bé đói quá, tủi thân khóc to hơn, làm thằng Đà, con Hào, cùng thức giấc và chúng bỗng tỉnh như sáo, cùng cất lên một lượt như dàn đồng ca:
- Con đói lắm, mẹ nấu cơm cho con ăn.
Chị Tảo giận sôi lên, mắng át lũ con:
- Đói no gì, nhà còn gạo đâu mà nấu. Ngủ đi, sớm mai mẹ sang nhà chú Hải mượn gạo về rồi thổi cơm.
Lũ trẻ nghe lời mẹ nằm im. Chị Tảo ôm thằng Đà vào lòng. Tội nghiệp! Mẹ biết các con đói lắm. Từ sáng đến giờ chỉ có mấy bát cháo vào bụng, nó trôi đi cái vèo. Mẹ biết lấy gì cho các con ăn đây. Nửa tháng nay mẹ con chị toàn ăn cháo. Bụng đứa nào cũng to ra, ỏng ỏng nước, da xanh xao.
- Mẹ ơi, con đói.
Thằng Lý lại khóc. Chị Tảo cũng mếu với con:
- Nhưng mẹ có tiền đâu mua gạo cho các con.
Đêm lại khuya rồi. Ba đứa con chị, đứa lớn mới chín tuổi, đứa nhỏ được hai tuổi, chúng không biết đến cái lý lẽ đó, đói thì chúng kêu khóc đòi ăn. Chị Tảo xót xa, bây giờ mình có cái gì bán đi nhỉ? Chiếc vòng cấn vào tay hơi đau nhắc cho chị nhớ đến nó. À, mình có cái vòng bạc đây, bán đi đổi gạo cho lũ trẻ. Nhưng đây là vật kỷ niệm của anh Huy. Chị mơ màng nhớ về tuổi thanh xuân của mình. Bữa đó anh gặp chị trong một thung lũng. Chị vừa đi rẫy về, trên lưng gùi sắn nặng trĩu. Anh giành gùi cho chị. Họ lững thững đi về bản. Leo qua một ngọn núi thì trăng lên. Dòng suối ngậm trăng sáng lấp lánh như dát bạc. Ánh trăng làm cho không gian mát dịu. Dưới ánh trăng, Huy càng thấy Tảo đẹp, làn da trắng, mái tóc mượt mà và khuôn mặt tròn trĩnh, đôi môi dày, chiếc cằm chẻ, chiếc cổ cao thon thon bắt ánh trăng trắng đến nôn nao. Huy run run cầm tay Tảo:
- Anh yêu em!
Tảo để yên tay mình trong tay anh. Ngực chị căng lên. Con tim đập như loạn nhịp. Tin cậy, chị nép mình vào anh. Anh rút trong túi ra chiếc vòng bạc sáng lấp lánh tròng vào tay cô. Chiếc vòng anh đã bỏ ra cả mấy tháng trời tỉ mẩn chạm khắc những hình hoa văn hài hoà đến hiếm có nghệ nhân nào làm đẹp hơn thế, bởi anh làm bằng tình yêu, bằng khát vọng hạnh phúc trong tim…. Bây giờ, bán chiếc vòng đi. Anh Huy trở về không còn có nó nữa…! Cách đây gần một tháng anh phải chia tay mẹ con chị theo người bạn lên Tây Ninh làm thợ xẻ để kiếm tiền. Anh đi chẳng mang theo một đồng. Có hơn chục ngàn anh đưa hết cho chị…
Mấy đứa trẻ lại khóc làm Tảo nhớ về thực tại. Anh Huy ơi, em làm sao giữ được vật kỷ niệm khi anh về mẹ con em đã không còn trên cõi đời này. Hẳn là anh hiểu cho em, phải không. Nhưng giờ có còn ai thức mà mua cái vòng này? À, có chiếc ghe thương hồ đang đậu ở dưới lòng kinh cách đây không xa. Trên ghe người ta bán đủ thứ, Tảo quả quyết đứng lên. Chị nói với các con:
- Làm tội mẹ mãi. Thôi hãy nằm yên đó, tao đi mua gạo đây.
Lũ trẻ cùng reo lên:
- Mẹ đi nhanh lên nhé.
Chị mở cửa. Trăng sáng vằng vặc. Cánh đồng nước trắng xoá, chị có cảm tưởng mình đang lẻ loi bé nhỏ trên một hòn đảo nhỏ, giữa biển khơi ngàn trùng cách trở. Xa xa phía Sài Gòn hắt lên quầng sáng bàng bạc. Điện sông Đà quê hương chị đã được kéo về miền Nam. Nhưng vùng Đồng Tháp Mười hẻo lánh này, vẫn chưa có điện. Sợ tốn dầu người ta chỉ thắp một lúc chặp tối rồi tắt đèn đi ngủ. Cuộc sống ở đây cứ gặm nhấm vào cái tẻ ngắt, cái cô đơn. Sống mà như không phải đang sống. Nhưng cuộc đời ơi, có bao giờ ta được sống cho riêng ta đâu. Còn ba đứa con, chúng là "gia tài" còn lại của ta. Hãy vì chúng nó trước đã.
Lấy hết can đảm chị gọi to:
- Dậy bán gạo chủ ghe ơi.
Ánh lửa dưới ghe bùng lên rồi tiếng người đàn ông còn ngái ngủ:
- Ai đó, muốn gì thì xuống đây.
Tảo ngập ngừng bước trên chiếc cầu ván lắt lẻo xuống ghe. Chủ ghe là một người đàn ông chừng bốn mươi tuổi, da rám nắng, mũi quằm quặp như mũi diều hâu nhìn chị lom lom làm Tảo sờ sợ. Chị nói nhanh:
- Ông bán cho tôi cân gạo… Nhưng mà tôi không có tiền, chỉ có chiếc vòng bạc đây. Ông đổi gạo cho tôi được không?
Tư Khánh ngắm Tảo từ đầu xuống chân như định giá một món hàng. Người Mường đẹp thật. Mái tóc mượt mà, khuôn mặt bầu bĩnh, nước da trắng nõn nà và vẻ ngây ngô đến dễ thương của cô ả nữa chứ. Trong đêm khuya thanh vắng này, cô ả dám xuống thuyền của một người đàn ông. Trời ơi, còn cơ hội nào bằng! Làm sao chiếm được cái thân thể mát rượi kia? Với người Mường, ta chưa thể "ăn ngay" được. Phải làm cho cô ả tin mình đã. Tư Khánh cười thân mật:
- Tôi bán hàng chớ không đổi hàng.
Tảo tần ngần đút cái vòng bạc vào túi áo, nét mặt lộ rõ sự thất vọng. Tư Khánh mở lời:
- Sao giờ này chị mới đi mua gạo?
Một câu hỏi không dễ nói trong vài lời. Tảo ngồi xuống mạn thuyền:
- Chẳng nói giấu gì ông, các con tôi đang đói, mà vợ chồng tôi hết tiền từ lâu rồi, các cháu phải ăn cháo cả tháng nay.
Tư Khánh biết đàn bà rất ưa tâm sự. Đã tâm sự phải có người nghe. Khi dốc hết bầu tâm sự, người kể bỗng trở nên nể sợ, lệ thuộc vào người nghe. Cái khôn nhất của cánh đàn ông là biết nghe, kiên trì ngồi nghe đàn bà giãi bày tâm sự. Người kể cũng nảy sinh tâm lý chinh phục người nghe, làm sao cho người nghe tin mình, nếu người nghe không tin mình còn kể làm gì nữa. Phần còn lại là người nghe biết biểu lộ tình cảm của mình. Biết đau cái đau người kể, buồn vui với người kể và cái chính biết tán dương, biết khen biết an ủi đúng lúc. Nghĩa là biết gãi vào đúng chỗ ngứa của người kể. Tảo vốn thật thà, cái thành thật của người sống trên rừng núi cao, chị kể về quãng đời vừa qua của chị. Một bộ phận dân sống trong vùng lòng hồ sông Đà được chuyển vào đây. Lúc đó chị cũng như một số bà con, nghe nói vô miền Nam lập nghiệp thì thích lắm. Cán bộ mang ra mấy cuốn băng video chiếu cho bà con xem vùng đất tương lai mà bà con sẽ sống. Một cánh đồng phẳng lỳ, những ruộng lúa trĩu hạt, những cảnh trù phú vui tươi. Ai cũng háo hức muốn vào Nam. Và trâu bò, lợn gà, nhà cửa… được bán đi. Họ rời bỏ quê hương ra đi không có ngày quay lại.
Tư Khánh chăm chú nghe, hình như anh khóc vì những đứa trẻ, những người dân Mường xa xôi mới đến:
- Hoàn cảnh của chị và cô bác vô đây thật thương tâm. Bây giờ như vậy nghe, tôi có mì tôm đây. Sẵn bình thuỷ nước sôi, tôi nấu mì cho các cháu ăn ngay kẻo đói tội nghiệp.
Nhanh tay, Tư Khánh xé năm gói mì tôm bỏ vào chiếc soong rồi chế nước sôi lên, xong việc anh ta ân cần trao tận tay Tảo:
- Chị mang về cho các cháu.
Tảo bê nồi mì nhưng vẫn còn ngần ngại:
- Tôi… Không có tiền trả ông.
Tư Khánh khoát tay:
- Tiền nong gì. Không hiểu thì thôi, đã hiểu nhau rồi thì con chị cũng như con tôi vậy.
\*
\* \*
Tảo cúi đầu chào Tư Khánh đi vội về nhà, lòng thầm khen sao có người tốt bụng đến thế.
Năm gói mì tôm của Tư Khánh cho cũng chỉ giúp các con Tảo no bụng qua đêm. Sáng chúng lại kêu đói. Tảo lại thấy bí. Ông chủ ghe tốt bụng thật, nhưng không lẽ cứ đến làm phiền người ta mãi. Thôi ta nên đi kiếm một việc gì làm. Lại phải đi bóc đay thuê vậy. Nhưng từ đây ra đến nông trường đay những hai chục cây số. Tối mới về, lũ trẻ sẽ sống ra sao? Thôi, thì cứ liều vậy. Tảo quay lại nói với thằng Đà:
- Ở nhà trông em cho mẹ đi làm. Trưa có đói thì dẫn nhau sang nhà chú Hải ăn cơm nhé.
Cả năm đứa oà khóc. Chúng đã quá quen với những ngày chờ mẹ như thế. Có sang nhà chú Hải cũng chẳng có cơm mà ăn. Chú Hải là em ruột bố, chú cũng đi thợ xẻ như bố, nhà chỉ có thím với các em, cũng đói dài như nhà nó, con của chú thím còn chưa có cơm ăn nữa là…. Chúng có sang là để chơi với mấy đứa em bên ấy. Thím Hải đau yếu không đi làm thuê được phải ở nhà. Thì ít ra chúng cũng có người lớn mà nương nhờ.
Mặc cho các con kêu khóc, chị Tảo quày quả cắp chiếc nón rách, trùm khăn kín mặt xăng xái ra đi. Chợt chị nhớ đến nồi mì tôm bốc khói thơm phức, nước bọt tứa ra chân răng. Bây giờ có gói mì tôm mà ăn nhỉ. Bụng chị lại cồn cào. Cái đói nhắc chị nhớ đến người đêm qua. Aáy chết, mình quên chưa trả cái nồi cho anh ta.
Thằng Đà thấy mẹ nó xách cái nồi ra đi, dỗ dành lũ em:
- Nín đi, mẹ lại đi lấy mì tôm về cho các em ăn đó.
Hương vị mì tôm lại phảng phất. Lũ trẻ nín im dài cổ chờ mẹ, nước miếng chảy ròng ròng.
Tư Khánh đang ngồi rít thuốc mơ màng nghĩ về người đàn bà đêm qua đã xuống thuyền của mình. Cô ả "ngon thiệt". Hà hà của ấy mà vào tay ta thì…. Con thú đã ăn đèn rồi có chạy đằng trời. A kia rồi, cái dáng thon thả kia là nàng đến đấy.
- Anh Tư ơi. Em trả cái nồi.
Tư Khánh ngắm Tảo ngọt ngào:
- Xuống đây, ấy, đi cho cẩn thận kẻo té.
Tảo run run bước trên chiếc cầu ván chông chênh. Chị đặt chiếc nồi vào góc thuyền:
- Cảm ơn anh. Anh tốt với các cháu quá.
Tư Khánh lịch thiệp:
- Chị ngồi xuống đây. Sáng nay các cháu đã ăn gì chưa?
Tảo lúng túng, chẳng lẽ lại nói các cháu nhịn đói. Tư Khánh hiểu cười cười:
- Tội nghiệp mấy đứa trẻ. Bây giờ chị lấy gạo về nấu cơm cho chúng ăn. Cầm thêm mấy quả trứng này nữa nhé.
- Ấy chết, tôi không có tiền cho anh.
Tư Khánh lại khoát tay:
- Chị cứ mang về đi, chừng nào ba chúng về có tiền trả tôi cũng được.
Tư Khánh cũng đã để ý đến cái vòng bạc trên cổ tay Tảo. Những hoa văn ấy đối với anh chỉ là những thứ vớ vẩn, không đáng quan tâm, cái chính là tấm thân cô ả. Muốn được ta phải có cách, đừng có cho nhiều, mỗi lần đủ một ngày ăn để cô nàng cứ phải thường xuyên xuống ghe với ta.
Bây giờ Tảo không còn e ngại người đàn ông dưới ghe nữa. Anh ta tốt quá, giúp đỡ người khác một cách vô tư. Một đêm khuya, các con Tảo đã ngủ, xóm làng tỉnh lặng, nghe rõ cả tiếng con cá quẫy ngoài mé kinh. Tảo ngồi bên Tư Khánh. Anh pha một ly cà phê ân cần trao tận tay Tảo. Người Kinh có khác, họ thật chu đáo. Chị nhâm nhi ly cà phê mà Tư Khánh trao tận tay, lại còn cẩn thận khuấy đường giùm chị. Cử chỉ đó chị chưa bao giờ gặp ở chồng mình. Nhưng sau ly cà phê ấy Tảo thấy người bừng bừng, rạo rực. Cái rạo rực còn mãnh liệt hơn cả lần Huy cầm tay chị bên bờ suối năm xưa. Chị nhìn Tư Khánh, anh ta thật dễ yêu, thật tình tứ. Đôi mắt anh ta nhìn chị như có lửa. Chị cũng nhìn anh ta cháy bỏng. Chỉ chờ có thế, Tư Khánh cầm tay Tảo kéo vào lòng, đè chị nằm ngửa xuống sạp thuyền. Dưới ánh trăng hạ tuần, chiếc thuyền cứ lắc nhẹ, lắc nhẹ rồi như đang vượt qua dòng nước cuồn cuộn sóng lưỡi búa ngoài sông Cửu Long những ngày gió lớn.
Xóm Mới người ta đồn về cái tin Tảo với Tư Khánh dan díu với nhau. Thím Hải hỏi thẳng Tảo. Tảo lúng túng chẳng biết nói sao với thím. Và tin Huy sắp trở về làm cho Tảo lo lắng. Anh có tha thứ cho mình không? Bây giờ làm sao? Chị hốt hoảng sờ xuống bụng. Dấu hiệu của sự thai nghén đã xảy ra. Bây giờ chỉ còn cách bàn với anh Tư. Anh là người hiểu biết. Anh từng đã khuyên mình biết bao điều hay ho, chuyện này hẳn anh sẽ giải quyết được. Và chị nói điều lo lắng đó với Tư Khánh. Nghe chuyện, Tư Khánh tái mặt. Anh chẳng còn ra vẻ uyên bác, thao thao bất tuyệt như trước đây. Ngồi thừ ra một lúc, Tư Khánh chợt nói:
- Hay là em trốn đi theo anh.
Tảo lắc đầu:
- Không được. Em còn ba đứa con.
Chợt nhớ ra, chị nắm tay Tư Khánh khẩn khoản:
- Hay là anh cho chúng đi theo. Bây giờ đời em chỉ còn có anh và mấy đứa con.
Tư Khánh lắc đầu:
- Không được. Chỉ mình em đi thôi.
Tảo năn nỉ:
- Anh đã từng nói con em cũng như con anh. Anh thương chúng nó. Anh đã cưu mang chúng cả tháng nay. Chúng vô cùng biết ơn anh.
Tư Khánh cười thầm: "cô bé Mường ngu dại ạ, ta giúp con nàng chẳng phải vì các con nàng mà chính vì thân thể nàng đó thôi. Dại gì lại hốt cả ổ ba đứa lít nhít như một bầy chó con. Việc này cũng dễ thôi. Ta đã có cách."
-Em muốn mang con đi theo phải không. Được rồi anh sẽ liệu. Ở thành phố Mỹ Tho anh đã có nhà cửa tử tế. Anh sẽ đưa mẹ con em về đó sinh sống.
Tảo tin cậy nép mình vào người Tư Khánh. Hắn lại ôm chị vuốt ve rồi kề vào miệng chị ly nước chanh:
- Uống đi em.
Tảo cầm ly nước uống ngon lành. Lát sau chị bỗng thấy mắt mình cứ díp lại, người lâng lâng, rồi chị gục xuống sàn thuyền. Tư Khánh nhìn Tảo đã ngấm thuốc, ngủ say như chết, cười:
- Bây giờ ta lên đường được rồi.
Hắn vội rút ván cầu, nổ máy cho chiếc ghe chạy như bay trên con kinh nhỏ phóng ra sông Cửu Long mênh mông.
Trưa Đồng Tháp Mười nóng như trên sa mạc. Không một bóng cây, gió cũng biến đi đâu từ lúc nào, đồng nước bốc lên thứ hơi nóng như trong lò áp suất. Huy sải những bước dài, cố dấn lên để nhanh về tới nhà. Anh nghĩ chắc vợ con đang dài cổ trông chờ mình. Xóc lại túi xách trong đó anh đã mua sẵn năm ổ bánh mỳ thịt, thứ mà mẹ con chúng thích lắm đây, anh đi như bay. Hơn tháng qua anh đã làm cật lực trên Tây Ninh, cố dè sẻn từng đồng để có được ba trăm ngàn mang vèâ cho vợ. Nắn lại số tiền trong túi áo, Huy mừng thầm, với nó, vợ con anh có thể tiêu chắt chiu được một tháng đây. Rồi mình sẽ đi làm tiếp. Cái khó bao giờ cũng là những bước đầu tiên. Huy đi ngang qua nhà cụ Mét, ông cụ đang ken những cây tre nhỏ làm sàn. Anh chào ông cụ. Ông già ngẩng lên cười với anh, hàm răng đã rụng gần hết nên cái miệng trông thật vui:
- Ồ, chào anh Huy, làm nhà sàn ở cho đỡ nhớ thôi.
Không kịp bắt chuyện, Huy đã đi vượt lên. À cô Thanh, cô ta đang chọc những lỗ nhỏ trên mảnh đất chỉ vừa bằng cái chiếu.
- Em trồng cái gì vậy Thanh?
Thanh nhìn Huy, trong đôi mắt có quá nhiều ẩn ý:
- Em trồng ngô.
Huy hiểu, với miếng đất như bàn tay thì thu hoạch được là bao. Thanh trồng để nhớ lại thói quen làm rẫy. Cả cái gùi Thanh đeo sau lưng nữa. Cái gùi không liên quan gì đến việc đang làm bởi mảnh đất cô trồng, số lượng hạt ngô chỉ cầm một nắm trên tay. Huy đi nhanh qua nhà cụ Bà, ông già đang ngồi rít thuốc lào với chiếc điếu cày dài, làm bằng nứa cụ đem từ Đà Bắc vào đây. Nó gắn bó với cụ. Quê hương chỉ còn lại với cụ là chiếc điếu cày này ư?
Huy về đến nhà. Anh xô cửa ào vô. Nhà vắng ngắt. Vợ con mình đi đâu hết cả thế này? Huy tất tả chạy sang nhà chú Hải. May quá, các con anh đang ở bên này. Anh ào lại ôm chầm lấy thằng Bắc. Dang rộng cánh tay anh ôm cả lũ con vào lòng. Các con anh đều reo ầm cả lên:
- Bố, bố đã về!
Anh chia bánh cho lũ con và không quên phần cho lũ con nhà chú Hải. Huy nhìn nhanh. Tảo đâu nhỉ? Anh vội quay sang thím Hải, lúc này nhìn anh nước mắt rân rấn, muốn nói nhưng khó cất thành lời.
\*
\* \*
Huy đã bỏ cả tuần lễ lang thang tìm Tảo. Anh đến Mỹ Tho, lên Sài Gòn, gõ cửa rất nhiều phòng trọ khách sạn. Rồi anh đáp tàu Thống Nhất ra Bắc, tìm về quê hương cũ. Nhưng quê hương đã ngập trong biển nước. Anh cứ chạy dọc theo triền nước gào to: Tảo ơi, em ở đâu, ở đâu, về với anh và con, Tảo ơi. Anh ôm mặt bên bờ đập thấm thía tận cùng nỗi đau. Bỗng từ xa, Huy nhìn thấy mái tóc xoã bồng bềnh. Anh dụi mắt, hình như xác một người đàn bà. Huy nhảy ào xuống nước, cố gắng nâng cái xác lên. Xác chết trương phồng bốc mùi hôi thối đến nghẹn thở. Khuôn mặt người chết to phình, lở lói làm Huy khó nhận diện. Anh chợt nhận ra chiếc vòng bạc quen thuộc nơi cổ tay nạn nhân. Chiếc vòng đã đổi màu đen sạm. Tim anh đau nhói. Ôm chầm lấy vợ, anh nấc lên :
- Tảo ơi, anh hiểu em. Em không có lỗi, em không có lỗi.
Huy để Tảo nằm đó, anh ngắm vợ, trái tim tan nát. Dưới suối vàng, Tảo có hiểu cho anh không. Tảo ơi, em có nhớ ngày chúng mình tỏ tình với nhau bên dòng suối năm xưa. Và chiếc vòng kỷ niệm…. Giật mình, Huy nhìn kỹ lại chiếc vòng trên cổ tay Tảo, chiếc vòng bỗng sáng lên lấp lánh.

**Nguyễn Trường**

Thiên Nhãn

**THIÊN NHÃN**

Giặt xong bộ quần áo loang lổ máu tươi cho anh Pho, Bình trở lên nhà trên đốt nhang cắm lên bàn thờ ngôi chánh điện. Phía trên cao, thánh tượng Thiên nhãn đang toả ánh hào quang chiếu xuống hạ giới. Ôi sao bàn thờ lại phủ đầy bụi thế này? Bình lấy khăn tay lau sạch các thánh tượng. Hàng trên cao, ở ngôi tam giáo, Phật Thích Ca ngồi giữa Thái Thượng Lão Quân và Khổng Tử. Hàng tam trấn, Lý Thái Bạch ngồi cạnh Quan Âm Bồ Tát và Đức Thánh Quan. Hàng thánh có chúa Giêsu và hàng thần đạo có Khương Tử Nha. Ngồi riêng trên bàn ngoài cùng là Giáo chủ Cao Đài ban chỉnh Nguyễn Ngọc Tương. Ngài ngự trên bệ rồng, một tay để lên mắt làm phép.
Trận bom do không quân Mỹ dội xuống sáng nay phá tan nát một phần phố Huế, làm rung chuyển cả thánh thất Cao Đài nằm ở phố Hoà Mã cách đó chừng năm trăm mét. Vôi vữa vung vãi. Cánh cửa sổ cũng bị bật tung, kính rạn nứt thành hình chân chim. Vừa lau bàn thờ Bình vừa lẩm bẩm: "Khổ! Đến các vị thần thánh cũng không được yên ổn nữa huống chi người".
Nhiều năm về sau, khi thánh thất Cao Đài được xây dựng nguy nga hơn, lầu chuông, lầu trống cao vòi vọi, Bình vẫn không quên trận ném bom xuống phố Huế, bởi từ đây cuộc đời cô đã lật sang trang mới.
Đó là buổi sáng cuối năm 1967, Bình đang lên lớp. Mấy chục cặp mắt non thơ đang nuốt từng lời giảng của cô, chợt còi báo động rú lên thất thanh giục giã mọi người vội vã xuống hầm trú ẩn. Các em học sinh vơ lấy mũ rơm, túi cứu thương, ào ào chạy dọc theo giao thông hào, rẽ vào các khu hầm Cồn Cỏ rải rác quanh trường. Vừa lúc ấy tiếng máy bay gầm rít trên đầu. Tiếng súng phòng không các cỡ của ta hình như ở rất gần, nổ như bắp rang. Tiếng rít xoèn xoẹt của máy bay lao xuống thấp cùng với tiếng bom ầm ầm từng đợt nhức tai, lộng óc đến nghẹt thở, căn hầm của các em rung lên bần bật. Một thoáng lặng im chen ngang đầy chết chóc .
Bình chui ra khỏi hầm, nhìn về hướng nội ô. Phía ấy từng cột khói bốc lên đen đặc bầu trời. Tiếng còi xe cứu thương, tiếng rú của các loại xe hơi đang phóng hết tốc lực chạy vào trung tâm thành phố. Bình thấy lòng bồn chồn thấp thỏm. Cầu mong bom không rơi vào thánh thất của cô. Cầu mong Đức Hoàng Thượng Đế phù hộ cho anh ấy! Anh Pho là người Bến Tre được Giáo chủ Nguyễn Ngọc Tương cử ra mở mang mối đạo Cao Đài ban chỉnh ở đất Bắc. Anh hiểu người miền Bắc, có uy tín với đạo hữu, có khả năng giữ giềng mối của đạo.
Nếu anh có bề gì sẽ tổn thất to lớn cho nền đạo. Hình như giữa anh và cô có sợi dây ràng buộc làm cô luôn nghĩ về anh, một tình cảm, vừa thiêng liêng vừa gần gũi, có lẽ nó có từ ngày cô còn nằm trong bụng mẹ, từ ngày cô trở thành thiếu nữ và từ ngày cô bỗng mơ thấy Thiên nhãn….
Bình vội chạy ra cổng ngẩng lên, hướng về phía thánh thất, cô khấn:
- Lạy chư thần, lạy đức giáo tông! Anh con có việc gì không? Nếu anh con có việc gì chư thần hãy cho con nóng ruột để con biết mà về với anh con. Cô thấy người bình tĩnh trở lại. An tâm, cô nói với chính mình "Chắc anh Pho không sao cả. Mình phải ở lại đây dạy hết mấy tiết học rồi về". Từ ngày trường của cô sơ tán ra ngoại thành, dù phải đi về hơn hai chục cây số cô cũng không bao giờ đi dạy muộn, hoặc bỏ tiết dạy.
Ba giờ chiều Bình mới xong nhiệm vụ. Cô vội nhảy lên xe đạp phóng như bay về nhà. Con đường từ Thanh Trì về nội ô lổn ngổn ổ gà, hố bom. Từng đoàn xe vận tải, xe kéo pháo cài kín lá nguỵ trang ầm ầm chạy ngược chiều. Chuyến tàu liên vận cũng chở toàn đồ quân sự phủ bạt kín mít, lao rầm rầm trên đường ray hướng về phía Nam. Đường phố thưa người. Dân Hà Nội đã sơ tán ra ngoại thành, về nông thôn gần hết. Lẽ ra anh Pho của cô cũng phải đi sơ tán, nhưng anh đang là Uỷ viên Hội đồng nhân dân kiêm Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ quận Hai Bà. Công việc đòi hỏi anh phải bám đường phố. Đến lúc này người tu hành cũng không an tâm ngồi trong thánh thất với các bức tượng. Không khí chiến tranh đã cuốn mọi người vào vòng xoáy của nó.
Một đoạn phố Huế với những ngôi nhà khiêm nhường quen thuộc núp mình dưới bóng cây xanh đã bị bom xới tung lên, chẳng còn hình dạng làm Bình không nhận ra nó nữa. Gạch ngói vung vãi, cây cối cháy sém bật gốc như vừa qua trận bão. Đôi chỗ khói còn nghi ngút, bốc lên mùi khen khét của hơi bom, của da thịt người lẫn quần áo cháy.
Thánh thất của cô vẫn bình yên, trong nắng chiều vàng rơi lung linh trên lầu chuông lầu trống.
Cảnh nhốn nháo trong nhà khách như báo cho Bình biết chuyện chẳng lành. Cô Tú, cô Ngô, cô Tuyết… Những y tá, y sĩ, trong Hội Chữ thập đỏ do anh Pho phụ trách. Mọi hôm họ vẫn lấy thánh thất này làm điểm diễn tập cứu thương. Còn hôm nay, họ đứng đó, nét mặt ai cũng lộ vẻ lo lắng, đau thương. Bình nắm lấy tay Tuyết hỏi dồn dập:
- Có chuyện gì rồi phải không các cô? - tim cô run run.
Tuyết dìu Bình ngồi xuống ghế, rồi nói:
- Anh Pho …. Chết rồi…
- Sao? - Mắt Bình chợt tối sầm.
Giọng Tuyết nấc nghẹn:
- Buổi sáng anh Pho đang họp bên phòng Giáo dục được bà Hảo, Phó chủ tịch mời về họp gấp bên Uỷ ban. Anh Pho đi được chừng năm phút thì báo động. Phòng Giáo dục bị bom dội. Thấy tình hình nguy cấp anh ấy vội quay xe lại lao vào cứu nạn. Nhưng lại một đợt bom nữa… Chính anh Pho đã nhường em xuống hầm gần nhất rồi chạy sang một hầm khác cách đó chừng hai mươi mét. Ngừng tiếng bom, còi báo yên, em chạy đến hầm anh Pho, chỗ ấy đã trở thành cái hố bom sâu hoắm rồi.
- Cô có chắc thế không? - Bình nói như trong mơ.
- Chắc! Chỗ ấy dưới gốc cây sấu, làm sao nhầm được.
- Có thấy xác anh ấy không? - Mặt cô đờ đẫn
- Không, chắc là tan tành từng mảnh rồi.
Bình lắc đầu, giọng cô sắc lạnh như ra lệnh:
- Hãy đi tìm anh ấy mau. Anh ấy không thể chết được.
Chẳng ai bảo ai, mọi người lao ra các ngả.
Bình quay về thánh thất cùng lúc chiếc xe hồng thập tự bám đầy bụi vàng khè đỗ xịch trước cổng. Cánh cửa bật mở và anh Pho nhanh nhẹn bước xuống. Bình chạy ào đến sững sờ. Niềm vui tới bất ngờ làm cô không nói thành lời. Anh Pho không thể chết được. Cô đãâ tin là như thế
Kéo anh vào nhà, ấn anh ngồi xuống ghế, Bình ngắm anh và không khỏi kinh ngạc. Trời ơi, đầu tóc anh đầy bụi, một nửa mái đầu bị cháy sém, còn bộ quần áo trên người loang lổ máu. Bình nghẹn ngào:
- Anh không bị thương chứ?
Anh Pho cười, cái cười đến là hiền hậu:
- Làm sao tôi bị thương được.
Chỉ vào những vết loang lổ trên quần áo và xoè hai bàn tay cũng đen thẫm những máu, anh nói:
- Đó là máu nạn nhân. Hai đứa học sinh của em, cái Hà, cái Thu… - Giọng anh nghẹn lại.
Bình ôm lấy ngực rên rỉ:
- Sao chúng lại đến đó?
- Sáng nay chúng đến coi điểm thi. Tội nghiệp. Sau loạt bom nổ, anh bật nắp hầm chạy lên. Một em bị cụt hai chân, một em bị lòi ruột. Anh vội ẵm các em lên xe cứu thương giục tài xế phóng đi ngay. Nhưng các em bị nặng quá, không cứu được…
-Anh Pho ơi, căn hầm của anh trúng một trái bom, anh có biết không? Nếu anh không lao lên ngay lúc ấy thì… Ôi linh thiêng! Em đã cầu mong Người phù hộ cho anh! Đôi mắt cô chợt sáng lên ẩn chứa một sức mạnh thần bí.
Lau xong các thánh tượng và bàn thờ ngôi chánh điện, Bình thấy chân tay rã rời. Cơn hụt hẫng, làm cô phải ôm lấy ngực. Trái tim cô đã qua những giờ phút quá căng thẳng nên chứng ngoại thu tâm thất lại xuất hiện. Cô nhắm mắt lại, và Thánh tượng Thiên nhãn lại hiện lên. Những ánh hào quang xuyên qua tầng mây chiếu tràn ngập trong tâm tưởng cô. Hình như Bình lạc vào một thế giới vô cùng huyền diệu…
Năm hai mươi tuổi Bình nổi tiếng là cô gái đẹp. Khuôn mặt trái xoan, cái miệng nhỏ, hàm răng trắng đều, đôi mắt tròn, xanh trong như da trời mùa thu, dáng thanh thanh, lại được nước da trắng tươi như bông bưởi, đã từng làm nhiều chàng trai ngơ ngẩn. Nhưng cũng năm đó cô bị một căn bệnh kỳ lạ, chưa một bác sĩ nào chẩn đoán được. Cô đang vui vẻ, nhí nhảnh như một chú chim sâu, bỗng trở nên trầm lặng, ngồi hàng giờ bên bàn, tay lần cuốn kinh không biết nhặt được ở đâu. Và cái bàn thờ do cô dựng nên sơ sài, lon sữa bò cắm mấy cây nhang, nhưng có sự linh thiêng đến đôï không ai dám đến gần, kể cả cha cô. Dưới góc bàn thờ có mảng tường vỡ, mỗi khi cô đốt nhang đọc kinh, hai con bạch xà thò đầu ra, chầu hai bên bàn thờ, cái lưỡi hai nhành cứ đưa qua đưa lại làm mọi người kinh sợ.
Một bữa Bình đang ngồi đọc kinh, chợt quay sang hỏi cha:
- Ai khóc đó bố?
Ông Ngô ngơ ngác, có ai khóc đâu. À, có thể ở bên nhà ông Hàm. Ông ấy ốm cả tháng nay, nghe nói nguy lắm rồi. Nhà ông ấy khá xa, làm sao mà con lại nghe được tiếng khóc? Bán tín bán nghi ông đứng dậy nói với con:
- Có thể vợ con ông Hàm khóc.
Xăng xái ông chạy sang nhà hàng xóm. Bình cũng tất tả chạy theo cha. Ông Hàm nằm trên giường, người chỉ còn da bọc xương, cái miệng vêu ra, chỉ thấy hai hàm răng vàng khè, hai hõm mắt sâu hoáy, chân tay đã bị liệt, da bầm đen, ông đã chết đến cổ rồi. Vợ con ông đang gào khóc. Bình thấy tội quá. Cô thắp ba cây nhang đến giường ông, vừa đọc kinh vừa huơ cây nhang vẽ thành những đường kỳ bí. Cô nhắm mắt lại, Thiên nhãn hiện ra rực rỡ. Cô hướng ánh sáng chiếu vào người bệnh. Ông Hàm dần dần hồi tỉnh.
Mọi người vô cùng kinh ngạc. Ông Ngô nghĩ, có lẽ con mình là người thần thánh nên cho nó đi ở chùa, về với thế giới của các thánh thần. Thánh thần không thể ở chung với người phàm. Ông quyết định đưa Bình vào chùa Quán Sứ, với pháp danh Hiệu Diệu Hoa. Lúc ngồi đồng, cô đội bát nhang nhưng không đảo. Sư thầy nói cô không có căn đi tu vì không chịu trình đồng. Ngồi đồng mà miệng cứ "Ta là con của Đức Hoàng Thượng Đế". Ôi, con của Đức Hoàng Thượng Đế thời quy y sao được. Đạo nào thờ Đức Hoàng Thượng Đế đây?
Đưa con về nhà, đêm ông Ngô mơ thấy một ông già râu tóc bạc phơ, tiên phong đạo cốt. Tiên ông có tiếng rền như sấm:
- Ngô, nghe sắc lệnh của Đức Hoàng Thượng Đế.
Ông Ngô vội quì xuống. Tiên ông rút trong tay áo ra một tấm lụa trắng, ông Ngô vội đỡ lấy, mở ra chỉ thấy dòng chữ "Nhập môn ngày 12 tháng 12".
Bừng tỉnh, ông Ngô thấy hai tay nắm chặt tấm lụa vô hình, trán ông vã mồ hôi, tim vẫn còn hồi hộp.
Chợt nghe tiếng con gái mê sảng ú ớ trong phòng, ông vội chạy sang lay gọi con:
- Bình, Bình, con nằm mơ hả?
Bình tỉnh dậy, cô nắm tay cha:
- Bố ơi, con mơ đến tu ở chùa có cái cổng bằng gỗ sơn màu vàng, lách vô con gặp hai người đàn bà mặc đại tang. Họ đưa con vào chánh điện, vén bức màn lên con thấy các vị Phật giống như trong sách moran đã học. Con sung sướng kêu ầm lên.
Ông Ngô kinh ngạc. Quái lạ! Mình và con cùng mơ về một sự việc giống nhau. Không lẽ thần bí là có thật?
Sáng, Bình dậy thật sớm, soi gương, chải tóc, mặc chỉnh tề, đến trước cha:
- Hôm nay ngày 12 tháng 12, ngày con làm lễ nhập môn.
Nhớ đến giấc mơ đêm qua, ông Ngô sởn gai ốc.
Bình đi như có ma dẫn. Cô đến phố Hoà Mã và đứng trước một thánh thất. Ông Ngô lại càng bàng hoàng hơn khi mọi việc diễn ra y như con gái đã mô tả. Cũng hai người đàn bà mặc đồ trắng đưa cô vào ngôi chánh điện, vén bức màn màu xanh lên, trời ơi, các thánh tượng của tam giáo, tam trấn, và ngũ chi hệt trong giấc mơ đêm qua! Mùi hương thoang thoảng quen quen, hình như Bình đã hít thở nó từ lâu lắm rồi. Cô quỳ xuống đọc một đoạn kinh tứ thời. Sau này cô mới biết cuốn kinh đó là của đạo Cao Đài soạn ra. Còn thánh tượng Thiên nhãn, cô không phải nhắm mắt lại cũng nhìn thấy, nó được vẽ trong một bức tranh khổ rộng, con mắt đang toả ánh hào quang, xuyên qua các tầng mây, rọi xuống thế gian.
Bình bỗng thấy người bồng bềnh như đang trôi trong không gian thuở hồng hoang, không hề có tốt xấu, thiện ác chỉ có sự huyền diệu của vũ trụ.
Từ ngày nhập môn, với khả năng kỳ diệu của mình, Bình đã phủ lên thánh thất Cao Đài ở Hà Nội ánh sáng ngũ sắc của sự linh thiêng. Người tu theo đạo Cao Đài càng nhiều. Đạo bao giờ cũng lấy sự linh thiêng làm căn bản. Nhưng nếu chỉ dựa vào điều đó hẳn khó tồn tại với đời. Việc anh Pho của cô lao vào cuộc chiến tranh đã làm cân bằng lại giữa chuyện đời và chuyện đạo. Một nền đạo do người Việt mới lập ra tận Tây Ninh, muốn tồn tại được ngoài Hà Nội phải có điều kiện của nó. Anh Pho của cô đã biết nhập cuộc và được chấp nhận. Bình chưa hiểu hết những sâu xa trong công việc của anh. Cô cho rằng anh đã dấn quá sâu vào công việc của đời, không khéo sẽ lơ là công việc của đạo. Nhưng đâu là đời, đâu là đạo, bản thân cô cũng không phân được ranh giới rõ ràng.

Bình nhẹ nhàng bước sang phòng ngủ của anh Pho. Từ mấy chục năm nay anh cô vẫn ngủ dưới đất trong diện tích hai mét vuông dưới lầu chuông. Cô ngắm anh ngủ thản nhiên không chăn không gối. Cơn gió đông lạnh buốt ào qua. Trong chiếc áo bông dày đến ba tấc cô vẫn không khỏi rùng mình. Anh vẫn nằm đó như đông cứng, phi phàm. Tấm thân cường tráng với nhịp thở đều đều. Cô quì dưới chân anh, ngắm nhìn gương mặt thanh tao cương nghị của anh. Đôi mắt kia từng nhìn cô hiền từ che chở. Đôi bàn tay to kệch kia đã từng run run bưng bát cháo chăm sóc cô lúc trái gió trở trời. Và trong lồng ngực kia, một trái tim nhân hậu đang đập hết mình vì đạo vì đời. Cô không ngưỡng mộ, không lo lắng che chở cho anh sao được. Đêm nay trời lạnh, cái lạnh cắt da cắt thịt của xứ Bắc, mặc áo bông đắp chăn mà cô vẫn không sao ngủ được. Còn anh! Trần trụi giữa đất trời. Phải chăng anh là thần thánh? Cô bỗng lùi xa. Phút chốc cô thấy anh như hiện thân của Đức Hoàng Thượng Đế, ngài cao vời vợi linh thiêng. Cô bàng hoàng đứng dậy. Lại một cơn gió se buốt nữa. Thần rét tinh nghịch không biết bằng cách nào đã chui vào trái tim cô, khiến nó cũng như đông cứng lại. Phải chăng cô cũng là một kẻ siêu phàm? Cô không thấy lạnh nữa. Nhưng kìa, trước mắt cô rõ ràng anh đang co người lại, hai tay ôm ngực như một đứa trẻ, anh rùng mình. Không, Đức Hoàng Thượng Đế, cô chưa từng thấy ngài rùng mình bao giờ. Ngài luôn uy nghiêm đường bệ, còn anh, anh vẫn là một con người bằng xương bằng thịt. Anh đang chống chọi với cái rét. Trái tim cô chợt tan ra. Dòng máu nóng hổi tràn lan khắp cơ thể. Cô nhắm mắt lại, cố làm cho con tim bớt thổn thức và cô nhận ra ánh sáng, phải rồi ánh sáng huyền diệu lấp lánh phủ lên người cô, chạy miên man trong da thịt cô. Cô như lạc vào một miền xa xưa, quên đi tất cả những yêu thương, những ưu phiền, buồn giận. Aùnh sáng, phải chăng ngươi đã đưa ta đến cõi vô thường của vũ trụ? Ta có còn là ta nữa không với trái tim non trẻ đang đập những nhịp đập rộn ràng? Ôi, nếu thế ta sẽ không có một giây phút nào sống được cho riêng ta, cho tự do của ta, nơi cái thường hữu vẫy gọi ta. Khi mà tâm tính lặng là ta đã về với bản thể của vũ trụ, nơi cái sinh ra được cái sinh ra của vạn vật… Lạy chư thần! Người hãy cho con được là Người trước đã.
Bất giác cô cởi chiếc áo bông tiến về phía anh, đắp nó lên người anh như người mẹ phủ chiếc tã bông lên đứa con sơ sinh bé bỏng của mình, chiếc áo mang hơi ấm của một con người. Trái tim cô nóng rực. Cô nhắm mắt lại….
Tháng 5 năm 1996

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: cinet
Được bạn: mọt sách đưa lên
vào ngày: 28 tháng 2 năm 2004